

TRI TÀN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghề triều Lê I	Nguyễn-văn-Tổ
Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ (VI)	Ứng-Hoè
Hi-sinh cho khoa-học	Hoa-Bằng
Nguyên-nhân sâu-xa của phong- trào thơ mới	Hoài-Thanh
Quý gà hơn mẹ	Nhật-Nham
Chai dầu tây (chuyện thực)	Mạnh-Phan
Cái Vàng là người thế nào ?	Tiên-Đàm
Bản thêm về bài « Quốc-sử chép đúng »	Lam-Giang
Nhi-dồng trước vấn-đề thể-dục	Phan-kỳ-Nông
Tiền-quân Nguyễn văn-Thành I	Nguyễn Triệu
Từ bán-đảo Crimée đến miền núi Caucase	Nhật-Nham
Thoát cung vua Mạc (tiểu thuyết dài)	Chu-Thiên
Việt-nam văn-học sử (XIV)	Hoa-Bằng

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6\$80 — 6 tháng 3\$50 — 3 tháng 1\$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Hi-sinh cho khoa-học!

HOA - BẰNG

THEO tin Arip hồi thượng tuần Novembre 1941, giáo-sư Max Jayle, một nhà khoa-học trứ-danh Pháp, hôm 22 Septembre, trong khi đang làm việc ở phòng thí-nghiệm hóa-học tại viện Institut de Puériculture, gặp phải tai-nạn rủi-ro vì bầu thủy-tinh nở, tung bắn bao nhiêu mảnh sắc vào mặt, vào mắt, đến nỗi hỏng cả hai mắt, sau khi y giới hết cứu chữa nhưng vô-hiệu!

Đề tỏ chút đều-bù cho người đã dâng mình làm hi-sinh trên bàn thờ khoa-học ấy, Chính-phủ Pháp đã sai gán bậc đầu bội-tinh. (Tri-Tân đã nói sơ việc này ở mục Tin-tức số 23, trang 16).

Đối với những người không trọng khoa-học, tin này chỉ là một việc tầm-thường, mà nhà bác-học không may kia chỉ như trăm nghìn nạn nhân trong những trường hợp rủi-ro khác.

Không thể thế được. Phải coi đó là một việc rất cảm-động và người đã hi-sinh cho khoa-học ấy rất đáng biếu-dương.

Ôi, nửa đời tận-tụy, đem thông minh, tài-học tô-diêm cho non sông, nay hai « bó đuốc của thần-trí » bỗng bị mờ tối vì làm phận sự, còn gì đáng cảm thương cho bằng!

Xã-hội ta nay, đương lúc hãy còn ấu-trĩ về khoa-học, trăm công nghìn việc hãy còn thiếu thốn và kém cỏi vì không có khoa-học-hóa! Đối với tấm gương hi-sinh của nhà bác-học Max Jayle ấy, ta há lại không nên nêu cao cho mọi người soi chung?

Người mình, nhất là phần đông thanh-niên, bấy lâu đã quá thiên về vật-chất, mê-say lăn-lộn trong

vũng bùn hoa-lễu, cười thâu đêm, say suốt sáng, sức-lực và tinh thần ngày một hao mòn, kết cục thân tàn ma dại vì quá phóng dăng, trác táng. Mấy ai đã chịu thờ-phụng lý-tưởng, hi-sinh cho khoa-học?

Mấy ai đã chịu thành tâm thờ khoa học, suốt đời cặm cụi ở trong phòng thí-nghiệm, làm việc cho cuộc tiến hóa chung của loài người, sả thân vì thiên-chức thiêng-liêng như giáo-sư Max Jayle kia!

Sau khi nhà bác-học M. Jayle bị mục tạt, chắc thế nào cũng sẽ còn đem tấm thân tàn mà cống hiến cho đời những công việc có thể làm được mà không phải dùng đến sức mắt.

Vì loài người có những thứ tinh chất do trời phú-bẩm, nếu không bị kích thích xô đẩy rất mạnh thì nó cứ mãi mãi không hiện hiện ra. Cái tiềm-lực của chân lực-lượng ấy, cứ ngấm chứa ở tầng trong cùng của sinh mạng người ta, cho nên những thứ kích thích tầm thường không thể gọi nó nảy ra được. Nhưng khi nào, nếu bị xúc động mạnh quá hay bị đẩy vào bước cùng thì cái tiềm-lực ở tầng trong cùng của sinh-mạng ấy mới phát sinh ra, bấy giờ mới giúp cho người ta làm thành được sự-nghiệp mà ở giữa tình hình bình-thường quyết không làm nổi.

Trong lịch-sử đã có biết bao chuyện làm chứng cho lời ấy. Lắm người vì muốn bỏ-cứu những cái khuyết-hám về phần thân-thể cho mình, họ đã lao nện được những phẩm-cách đáng kinh ngạc và làm thành công được những việc rất kỳ-dị.

Chính John Milton (1608-1674), một thi-sĩ trứ danh Anh, sau khi mù, còn làm được tập le Paradis perdu là một thi-phẩm bất-hủ.

Lại như Augustin Thierry (1795-1856), một sử-gia Pháp rất nổi tiếng, vì tận-tụy với sử-học mà phải mang mục tạt! Nhưng ông vẫn theo đuổi công-cuộc, hăng-hái tiến bước trên đường lý-tưởng, Không vì tật-bệnh ác-hại, cảnh-ngộ đau-dớn mà rùn chí ngã lòng. Chính ông đã nói: « Ở đời, có cái còn quý giá hơn những món hưởng thụ về vật-chất, hơn của-cải, hơn cả sức khỏe nữa, ấy là sự tận-tụy cho khoa-học. »

Vậy, ở đời, nhất là ở trong cái xã-hội Việt-nam này, ta nên thờ lý-tưởng, nên hi-sinh cho khoa-học, nên dâng trọn mình cho cuộc tiến-hóa chung của xã-hội, dù mình chỉ còn là một tấm thân tàn!

Đã từ lâu, tôi có đọc cuốn « Nhị vị tập », còn nhớ trong đó có một câu danh-ngôn rất trúng thời bịnh: « Người đời nay rất sợ chết, nhưng đối với những việc thương sinh, họ không hề kiêng cử một việc nào! » Theo luận-diệu ấy, tôi cũng thử nói. Phần đông thanh-niên ta nay rất sợ hi-sinh cho khoa-học, nhưng lại « vui lòng » hi-sinh cho vi-trùng những bệnh hoa-liểu!

Cùng là một tiếng tàn-tật, nhưng nếu tàn-tật vì khoa-học như Max Jayle tàn-tật vì sử-học như Augustin Thierry, thì đương thời ai cũng cảm-động mà tiếng thơm còn mãi nghìn thu. Trái lại, dâng thân làm mồi cho vi trùng bịnh yếm hoa, thì chẳng những khổ thân, làm lụy gia đình, mà lại mắc tiếng mang tai, đắc tội với nòi giống.

Các bạn thanh niên! Ta đừng hi-sinh một cách vô-ích

HOA-BẰNG

Bia Văn-miếu

Những ông nghề triều Lê

Số 1

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ biên-tập

N GÀY thứ năm, 30 Octobre 1941, nhân có buổi họp ở Hội Truyền-bá quốc-ngữ, tôi có đem chiếu một ít kính ảnh của Trương Bắc-cổ chụp ở Văn-miếu Hà-nội, là nhà Thái-học ngày xưa, để nói chuyện với các giáo-viên trong hội về việc học ở đời Hậu-Lê (1428-1789).

Trong số kính đem ra chiếu, có một chiếc chụp trên tàu bay, từ cổng Văn-miếu đến điện Khải-thánh, gồm cả cửa Đại-trung (tức là Đại-học và Trung-dung), lầu Khuê-văn, giếng Thiên-quang, điện Đại-thành : cách bố-trí y như miếu Khúc-phụ (Lỗ-huyện), tỉnh Sơn-dông, là nơi còn phần-mộ và miếu-dinh của đức Khổng.

Tôi có cho chiếu cả ảnh chụp những tấm bia dựng hai bên giếng Thiên-quang, và có nói cho các bạn trong Hội Truyền-bá biết rằng hiện có tám mươi hai tấm bia, đề tên 1.111 ông nghề, trên tự năm Thái-bảo nhâm-tuất (1442), dưới đến năm Cảnh-hung kỷ-hợi (1779).

Theo bài bia của ông Lê-hữu-Thanh, bổ-chánh Hà-nội năm Tự-đức mười sáu (1863) (bia thứ 43, bên hữu, đình thứ ba), thì « 82 mặt bia ấy, chỉ là nghìn phần còn trăm, mười phần còn một : gió táp mưa trôi, cỏ che rêu mọc, chữ khắc mờ phẳng, mất độ mười mặt... Cái gì có hình hằn có họai, phương-chỉ là cái bia ! »

Các bạn trong Hội Truyền-bá nhân câu ấy (hữu hình tất hữu họai, nhi hướng ư bi hồ), bảo tôi

nên đem bia Văn-miếu ra khảo-cứ đề bỏ khuyết một đoạn lịch-sử nước nhà. Lúc bấy giờ tôi còn ngần-ngại chưa dám quyết, vì tự biết rằng muốn làm cho chu-đáo, không những phải in ảnh bia, sao nguyên-văn và dịch ra tiếng nôm, lại còn phải tra-cứu các sách nói về đời Hậu-Lê. Tuy chưa có thể làm đúng cái chương-trình ấy, song tôi tưởng cũng nên theo ý các bạn đồng-chí bắt đầu sưu-tập, kéo lâu ngày mai-một đi chẳng. Vậy xin lần-lượt xét hết cả 82 cái bia dựng ở sân miếu.

I

Cái bia cũ nhất đề tên các tiến-sĩ khoa nhâm-tuất năm Đại-bảo thứ ba (1442). Tên chữ là *Đại-bảo tam niên nhâm-tuất khoa, tiến-sĩ đề danh ký*. Nguyên-văn chữ nôm dịch ra như sau này :

« Thánh-triều Thái-tổ Cao-hoàng-đế (1428-1433), giới cho trí dũng, nghiệp thịnh kinh-luân, bỏ kẻ bạo, trừ kẻ tàn, cứu dân ở chỗ lầm than, sửa-sang việc văn việc võ, chiêu-tập những kẻ tuấn-mao để làm cho thành-hiệu việc cai trị mới, chiếu trong thiên-hạ dựng nhà học để đào-tạo nhân-tài, trong có trường Quốc-tử-giám, ngoài có nhà học ở các phủ.

« Vua thân kén con cháu nhà quan cùng những người dân thường tuấn-tú cho vào làm học-sinh thị-cận, thị-ngự-tiền, mọi cục, và làm giám-sinh ở Quốc-tử-giám. Lại sai hữu-tư rộng kén những lương-gia tử-đệ ở dân-gian, sung làm sinh-đồ các phủ, đặt thầy nho-học để dạy

bảo, khắc sách-vở để ban-bố : đường đất nuôi nhân tài, thực đã rộng vậy (1).

« Còn việc thi lấy học-trò, hoặc dùng minh-kinh, hoặc dùng phú-luận, hoặc vua hỏi sách đề, đều tùy tài đặc ân bổ dụng.

« Đương lúc bấy giờ, khoa tiến-sĩ tuy chưa dựng (ở nước ta), nhưng mà kỳ thực chuộng đạo nho, cách lấy học-trò đại-khải đã đủ (2) ; mở nền thái-bình muôn đời chính ở đấy.

« Đức Thái-Tôn Văn-hoàng-đế (1433-1442) nối nghiệp nhơn, tỏ sự vẻ-vang đời trước, lấy văn-học mà giáo-hóa thiên-hạ, lấy sự trọng đạo chuộng nho làm việc đầu, lấy việc tìm người giỏi kính giới làm mưu tốt ; nên cách cai trị trước hết phải mở khoa thi, chọn học-trò giỏi và ban đồ phủ-phất của nhà vua : khoáng-trương nền tiến-hóa là ở đấy ; sửa-sang chính-sự, làm cho dân có những phong-tục tốt cũng ở đấy. Các bậc đế-vương xưa kia làm thành-hiệu được việc cai-trị, chẳng bởi đấy hay sao ?

1) Ông Léonard Aourousseau đã dịch bài văn bia này ra chữ Pháp cho *Revue indochinoise*, tháng Juillet 1913 (*Le Temple de la Littérature de Hanoi*) ; có nhiều câu đàn ra quá như câu trên kia, nguyên-văn là *dục tài chi địa, cổ dĩ quảng hi*, ông Aourousseau dịch là : « Les dispositions prises pour assurer le développement des talents étaient déjà, sans contredit, importantes et libérales » !

2) Nguyên-văn chữ Hán là : *nhi sàng nho chi thực, thả sĩ chi phương đại-khải dĩ bị* ; thế mà ông Aourousseau dịch là : *et pourtant l'on y rendait déjà hommage au mérite réel du lettré et l'on y savait distinguer l'homme de talent* ! Như thế thì lạc nghĩa quá ! Còn nhiều câu nữa cũng sai như thế, kể hết cả ra, không có ích gì : tưởng nói qua là đủ.

« Đức Thánh-tổ hoàng-đế đã định qui-mô, nhưng chưa kịp thi-dụng ; muốn sáng-sửa đời trước, phước-trần đời sau, thì hồi bấy giờ là năm Đại-bảo thứ ba (1442), tức là năm nhâm-tuất, có rộng mở kỳ thi hội về mùa xuân (gọi là xuân-vi) Lúc ấy nhiều học-trò ứng-cử, tính tới 450 người. Trúng tứ trường được 33 người : hữu-tư (là người coi việc) đem danh-sách dâng vua. Vua sai chọn ngày cho vào đình đối.

« Khoa thi ấy, quan đề-diện là thượng - thư tả - bộc - xạ Lê-văn-Linh, quan giám-thí là ngự-sử-dài thị-ngự-sử Triệu - Thái. Các quan tuần-sước, thu-quyền, di - phong, đẳng - lục, đối-độc, người nào làm việc ấy.

« Mồng hai tháng hai, vua ngự ở điện Hội-anh, thân ra sách hỏi ; hôm sau các quan đọc quyền là hàn-lâm-viện thừa - chỉ học - sĩ kiêm trung - thư quốc - sử-sự Nguyễn - Trãi, trung - thư tỉnh trung-thư thị-lang Nguyễn-mộng-Tuân, nội-mật - viện tri-viện-sự Trần-thuấn-Du, quốc - tử - giám bác-sĩ Nguyễn-tử-Tấn, vâng mang quyền lên đọc, dâng bày vua xem, cho thứ-bực cao thấp, cho Nguyễn - Trãi trạng - nguyên, Nguyễn - như - Đồ bảng - nhãn, Lương-như-Hộc thám - hoa. Lũ Trần-văn-Huy bảy tên tiến-sĩ. Lũ Ngô-sĩ-Liên hai-mười-ba tên phụ-bảng (theo tên đời trước gọi là phụ-bảng).

« Mồng ba tháng ba, xướng danh treo bảng, làm cho nhiều học-trò quan-chiêm vui-vẻ. Ấu-mệnh tước-trật đề-tiên-biền, mũ-đại-y-phục đề-phước-sức, cho ăn yến ở vườn Quỳnh-lâm tỏ ơn từ-huệ, cho ngựa đưa về tỏ ý quyến-luyến. Những sĩ-phu ở chốn tràng-au, họp nhau đến chỗ này xem, đều mừng thánh - thượng sùng-nho, xưa nay ít có.

« Mồng bốn lữ trạng - nguyên Nguyễn-Trực dâng biểu tạ ơn. Mồng chín từ biệt bề-hạ về vinh qui.

« Đó là cái kết quả tốt về khoa đầu của thánh-thế gia ơn, làm cho sĩ-phu được vẻ - vang. Đến nay nhiều học-trò vẫn còn khen-ngợi. Tự bấy giờ về sau thánh-nối-thần truyền, đều theo phép cũ.

« Bấy giờ Hoàng - thượng (Lê Thánh - Tôn, 1460 - 1497) trung-hung nghiệp nhớn, rộng mở văn-học, chế-độ đều mới : ai ai cũng tai nghe mắt thấy. Đến như phép lấy học-trò, lại càng chú-ý lắm : phạm tiên-triều đã làm việc gì, thì theo mà gìn-giữ ; việc gì tiên-triều chưa làm, thì thêm ra cho rộng-rãi. Sau khi gọi loa yết bảng, lại còn dựng bia đá đề tên đề truyền lâu dài, khuyên phép hay ý tốt, như thế không gì hơn nữa. Ôi ! thịnh vậy !

« Từ năm Đại-bảo thứ ba (1442) đến giờ, việc dựng bia đá đề tên mọi khoa tiến-sĩ vẫn chưa làm. Thượng-thư bộ Lễ là lữ Quách-dĩnh-Bảo, kính vâng mệnh vua, theo thứ-tự tên họ, khắc vào đá tốt, và xin đổi trạng - nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa làm tiến-sĩ cập-đệ, phụ-bảng làm đồng-tiến-sĩ xuất-thân, đề hợp cách ngày nay. Vua cho là phải, sai chúng tôi là lữ Thân-nhân - Trung chia soạn văn ký. Kể thần-hạ chúng tôi kính vâng đức-âm, hân-hạnh nhường nào ! Xem việc lập bia đá đủ biết cái thịnh-ý của nhà vua cầu người hiền để lo việc nước và truyền được lâu dài. Việc lập bia là một việc nhớn đề khuyên đời và là một sự rất may cho nền văn - học. Kể thần - hạ chúng tôi tuy dốt-nát nhưng đâu dám từ-chối, xin kính-trọng chấp tay cúi đầu mà soạn bài ký.

« Hiền tài là nguyên-khí của nhà

nước : nguyên-khí thịnh thì thế nước mạnh mà thịnh ; nguyên khí không đủ thì thế nước yếu mà ô-nhục. Vì thế các bậc thánh-đế minh-vương đều lấy sự kén nhân-tài, lấy học-trò giỏi làm việc vun - giồng nguyên - khí ; bởi những người học-trò ấy có quan-hệ đến nhà nước, cho nên ý sùng-thượng trọng-vọng không có chừng nào như thế, nào đã yêu cho khoa - danh, lại trọng cho tước-trật, ơn rất dầm-thấm, còn cho là chưa đủ, lại nêu đề ở tháp nhận, phong cho hiệu rồng-hổ. Triều-dình được người giỏi, mở tiệc mừng, không một việc gì là không trọng-hậu.

« Vừa nay thánh-minh lại cho việc thi là một cảnh mỹ - quan thịnh-sự, tuy rực-rỡ một thời, lưu-truyền tiếng thơm, nhưng chưa đủ rõ-rệt lâu dài, cho nên lại dựng bia đá đề tên, đặt ở cửa những bậc hiền-triết, khiến cho nhiều học-trò trông thấy, hăm - mộ hưng - khởi, chuộng nghiêm danh-tiết, gắng giúp nhà vua, há chỉ chuộng việc hư-danh hư-văn mà thôi ? Ôi ! những học-trò nhà có lẽu tranh, như một mảy rất nhỏ, mà được triều-dình sùng-chuộng như thế, thì trí làm học-trò nên tự-trọng mà lo toan báo đền. Đây hãy lấy họ tên một khoa mà bày kê.

« Những người có văn - học chính-sự làm đẹp - dễ cho nền bình-trị, vài mươi năm nay đã được nhà nước dùng nhiều. Thịnh-thoảng có người vì ăn lót mà hỏng, hoặc mắc vào bộn gian-những, bởi vì bình - sinh chưa được thấy phước đá tốt này bao giờ ; giả-sử đương-thời mà mắt họ trông thấy, thì lòng thiện vui, lòng ác bèn thôi, đâu dám có mầm ác ấy ? Thế thì việc dựng bia đá này, bổ-ích rất nhiều : người ác

Xem tiếp trang 23

Một kiến-giải của bạn trước vấn-đề thơ mới

Nguyên-nhân sâu-xa của phong-trào thơ mới

MỘT xã-hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi về hình-thức cũng như về tinh-thần. Triều-đại tuy bao lần hưng vong, giang-sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến-cổ về chính-trị ít khi ba động đến sự sống của nhân-dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập-tục, bấy nhiêu ý-nghĩ, bấy nhiêu tin-tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn-khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không-gian.

Nhưng nhất đán một cơn gió mạnh bỗng từ xa thổi đến. Cả nền - tảng xưa bị một phen điên-đảo, lung-lay. Sự gặp-gỡ phương Tây là cuộc biến-thiên lớn nhất trong lịch-sử Việt-nam từ mấy mươi thế kỷ. Phải trở lại cái thời tổ-tiên ta mới tiếp-xúc với người Trung-hoa, hơn nữa, phải trở lại cái thời giống người Anh-đô-nê-diêng (1) lần thứ nhất để chân vào lưu-vực sông Hồng-hà mới hồng tìm được một cuộc biến-thiên quan trọng như vậy.

Trước mắt chúng ta bỗng bày ra những cảnh lạ-lùng chưa bao giờ từng thấy. phương Tây đã đến với chúng ta. Nó là một sự thực. Một sự thực càng ngày càng thực thêm.

Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng-hồ, ô-tô, xe lửa, xe đạp... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật-chất phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày

trước. Nào dầu tây, diêm tây, vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đứng tưởng tới nguy hiểm. Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan-niệm của phương Tây về nhân-sinh, về vũ trụ và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan-niệm của phương Đông. Những đồ dùng kiểu mới ấy chính đã dẫn đường cho tư-tưởng mới. Trong công - cuộc duy-lân, ảnh-hưởng của nó ít ra cũng ngang với ảnh - hưởng những sách nghị-luận của hiền - triết Âu-Mỹ, cùng những sách cổ-động của Khang, Lương. Sĩ-phu nước ta từ xưa vốn chỉ biết có Khổng-tử, bắt đầu dẫn Mạnh-đức-tư-cư với Lư-thoa. Họ bắt đầu viết quốc-ngữ, một thứ chữ mượn của người phương Tây. Câu văn của họ cũng bắt đầu có cái rõ-ràng, cái sáng-sủa của văn tây. Những tư - tưởng phương Tây đầy-dẫy trên *Đông-dương tạp chí*, trên *Nam phong tạp chí* và từ hai cơ-quan ấy thẩm dần vào các hạng người có học. Người ta đua nhau cho con em đến trường Pháp-Việt, người ta gửi con em sang tận bên Pháp. Thế rồi có những người Việt-nam đậu kỹ-sư, đậu bác-sĩ, đậu thạc-sĩ, có những người Việt-nam nghiên - cứu khoa-học, triết-học và có những người Việt-nam nghĩ chuyện xây dựng một nền học riêng cho nước Việt - nam.

Bấy nhiêu sự thay-đổi trong khoảng năm sáu mươi năm! năm sáu mươi năm mà như năm sáu mươi thế-kỷ! Nhưng cuộc Âu - hóa không phải chỉ có thế. Nó đã đi qua hai giai-đoạn: hình-thức và tư-tưởng, nó còn phải đi qua một giai-đoạn nữa. Nó đã thay-đổi những tập-quán sinh-hoạt hằng ngày, nó đã thay-đổi cách ta vận-động tư-tưởng, tất nó sẽ thay-đổi cả cái nhịp rung-cầm của ta nữa. Những hình-thức mới của cuộc đời, những tư-tưởng mới và nhất là ảnh-hưởng văn-học pháp ngày-một thẩm thía, ấy là những lợi-ích Âu-hóa trong giai-đoạn thứ ba này.

Phương tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu

ghét, giận hờn nhất nhất như ngày trước. Đã đành ta chỉ có từng ấy mối tình như con người muông thú và muông thú, nhưng sống trên đất Việt-nam đầu thế kỷ hai mươi, những mối tình của ta không khỏi có cái màu sắc riêng, cái dáng dấp riêng của thời đại.

« ... Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt... » Các cụ bâng khuâng vì tiếng tròng đêm khuya, ta nao-nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái-tình của các cụ thì chỉ là sự hôn-nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi..., cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu ».

Mấy câu nói xô bồ, liều lĩnh mà tha thiết của ông Lưu Trọng Lư ở nhà Học hội Quí-nhơn hồi Jun 1934 đã vạch rõ tâm lý cả lớp thanh niên chúng ta.

Tình chúng ta đã đổi mới, thơ chúng ta cũng phải đổi mới vậy. Cái khát vọng cõi trời cho thi-ca chỉ là cái khát-vọng nói rõ những điều tín nhiệm, u-uất, cái *khát-vọng được thành-thực*. Một nỗi khát-vọng khẩn thiết đến đau đớn. Chính ông Lưu-trọng-Lư cũng đã viết trong quyển *Người sơn-nhân* hồi mai 1933: « Người thanh niên Việt-nam ngày nay đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như người con đi tìm mẹ ».

Đã thế, không thể xem phong-trào thơ mới là một chuyện lập-dị do một bọn dốt nát bày đặt ra để kiếm chỗ ngồi trong làng thơ. Nó là kết-quả không thể không có của một cuộc biến-thiên vĩ đại bắt đầu từ hồi nước ta sát-nhập vào đế - quốc Pháp và xa hơn nữa, từ hồi Nguyễn Trích phân tranh lúc người Âu mới đến. Cái ngày người lái buôn phương tây thứ nhất đặt chân lên xứ ta, người ấy đã đem theo cùng với hàng hóa phương tây, cái mầm sau này sẽ nảy thành thơ mới.

HOÀI-THAN

1) Tôi không tin rằng người Việt-nam vốn quê hương trên sông Dương-tử,

Hộp thơ

Ông Huỳnh trung-Thật, Cần thơ - Đã nhiều lần chúng tôi tuyên bố chỉ giữ báo đủ collection từ 1 đến nay cho bạn đọc mua 1 năm theo giá mới mà giá tiền trước thời mà!

HỒ BA-BỀ

TRONG cuộc Bắc-tuần, Hoàng-thượng ngự giá thăm hồ Ba-bề. Tưởng thuật qua lịch-sử hồ Ba-bề ra đây đề hiễn độc-giả, không phải là vô-ích vậy.

Hồ Ba-bề thuộc châu Chợ-rã tỉnh Bắc-cạn là một nơi danh-thắng miền thượng-du Bắc-kỳ.

Một bề tại địa-phận xã Tiên-loan và hai bề thuộc địa-phận xã Nam-mẫu giáp tỉnh Tuyên-quang. Một dãy núi đá bích-lập, có thác từ cao đổ xuống, làm giới hạn cho hồ Ba-bề về phía tây. Chung-quanh hồ có núi bao-bọc, « cỏ cây chen đá, lá chen hoa », suối chảy, thông reo : Cảnh-trí thực là u-nhã ! Giữa bề, có nhiều núi, nhiều đảo đột khởi trên mặt nước, khi sóng gió dập-dờn, lúc bình-tĩnh thuyền chài quanh lượn, xa xa trông thực hữu-tình ! Phong cảnh đẹp ấy, ví với tám cảnh Tiêu-tương và Ngũ - hồ nước Tàu, tưởng cũng chỉ thế ! Cảnh hồ Ba-bề đã đẹp, lại thêm thêm dãy núi Côn-lôn trùng-trùng điệp-điệp, một dãy núi bích-lập cao hơn mặt bề vài nghìn thước, chạy từ Tuyên-quang đến địa-phận Thái-nguyên. Giữa núi, có nhiều động thanh-u. Trong động, thạch-nhũ đủ xuống lóng-lánh tựa ngọc-châu, cảnh-sắc như vẽ. Lại có suối chảy róc-rách, làm cho bức tranh thiên-nhiên của tay thợ Tào

đã vẽ càng thêm linh-động. Thực là một nơi đại thắng-cảnh, không bút nào tả xiết, trong nước Việt-nam, đã chèo-kéo bao khách đông tây qua lại.

Tục truyền : Xưa, tại làng Nam-mẫu, có thiết-lập trai đàn, người các nơi đến xem rất đông. Trong số ấy, có một bà lão mình già, sức yếu, ăn mặc đã rách-rưới, thân mình lại đeo bệnh hủi, đi khát thực mọi người. Nhưng từ sáng đến tối, chỉ bị mắng đuổi, không sao xin được bữa ăn. Tối đến, bước chân ra về, thì gặp mẹ con một người làng Nam-mẫu có lòng từ-thiện, thấy tình-cảnh đáng thương, bèn cứu vớt qua cơn đói khát.

Tối, về tới nhà, mẹ con nhà từ thiện đã thấy bà lão ăn mày vào xin ngủ trọ.

Mẹ con nhà ấy cũng vai lòng đón người hủi vào nhà, ân cần tiếp đãi rất tử-tế và cho ngủ nhờ trong một căn buồng tĩnh-mịch.

Sáng hôm sau, người hủi tỉnh dậy bảo chủ nhà : « Hôm trước, tôi xem đám chay, thập phương rất đông, nhưng đều là gươm trảm, giáo mớ, bị vô-minh che phủ từ-đoan, không ai còn bụng nhân từ, tất rồi đây sẽ phải chịu cái khổ trầm luân. Dạy mẹ con bà có chút lòng nhân-hậu, đã cứu người nghèo cho qua cơn đói rét. Ta xin trả ơn phiêu-mẫu

bằng nhời dẫn sau này : Nay mai, xứ này sẽ có cuộc tang-thương biến cải. Hễ thấy sự gì khác thì con bà phải kíp dời nhà cửa lên ẩn trên cao-nguyên, chớ có tham-luyến nơi này mà mang họa . . . »

Rồi người hủi từ-biệt ra đi.

Ai ngờ, nhời người hủi dẫn lại ấy chẳng bao lâu đã thành sự thực.

Trong khi mọi người còn đương mãi miết xem cuộc làm chay thì tự nhiên một giòng nước từ dưới đất chảy ra, làm lở cả mặt đất, trước xoáy thành hố, sau dần dần khơi rộng thành đầm ao, rồi thành hồ, thành ba cái bề rất to ước hai ba dặm.

Trước đó, mẹ con nhà từ thiện sức nhớ nhời người hủi, đã bỏ nhà, di cư đến chân núi, cách xa ba dặm đường, rồi lưu trú tại đấy. Về sau, sinh sản mỗi ngày một nhiều. Nòi giống đông dần dài lữ, kết tập thành xóm thành làng ở ven hồ. Tới nay, dân đình làng ấy vẫn thịnh vượng.

Phạm những núi vây quanh ba bề đều thuộc địa phận làng Nam mẫu.

Thực là một khu vực to tại vùng Ba bề vậy.

Trên là một chuyện truyền thuyết, tôi chỉ thuật ra đề làm món quà mua vui. Còn thực hay hư, xin nhường các bậc cao-minh phán-đoán.

Trải qua bao cơn dâu bể, hồ Ba-bề mặt nước vẫn xanh xanh phẳng lặng từ nghìn xưa cho tới nghìn nay. NHẬT-NHAM

Sổ xuân Tri-Tân (Nhâm-ngọ, 1942)

Bài-vở, do những cây bút dừng-dẫn viết ;

Trình-bày, do họa-sĩ Trịnh-Vân trông-coi...

— Tri-Tân, sổ XUÂN NHÂM-NGỌ này, từ tinh-thần đến —
— hình-thức, sẽ làm vừa ý các bạn đọc thân-yêu. —

Sử - học luận đàn

Bàn lại về bài «Quốc-sử chép đúng»

Sử học là một môn học rất khó. — Người đời sau nhờ sử-ký mà biết chuyện đời trước, song về đời thượng cổ khi văn tự chưa xuất hiện, thì làm thế nào mà biết sự thực? Người ta thường căn cứ vào những khí cụ thời xưa như búa đá, dao đá hoặc những động đá, nhà đá, nơi định từ đá (menhir, dolmen). Sử học lại cần phải có nhiều môn học phụ tùng, khoa xem tiền cổ (numismatique), khoa xem bia đá (épigraphie), khoa xem chữ xưa (paléographie) v. v.

Khi đã xem xét cẩn thận rồi, nhà sử học mới dùng phương pháp tổng quan (méthode synthétique) sắp đặt các việc đã xảy ra một cách hợp-lý.

Nhưng mà từ chỗ hợp-lý đến chỗ có thật còn cách nhau xa.

Sử ta về đời Hồng-bàng là một mớ chuyện rối như tơ và tối như đêm ba mươi, các nhà chép sử chỉ theo lời truyền miệng mà viết, cho nên có nhiều chỗ bất hợp-lý, đáng ngờ. Vì thế cần phải thảo luận.

Con gái vua Hùng Vương thứ 18 tên là gì? — Mị nương chăng? Mị nương là danh từ chung hay là tên riêng? Mị nương là một nàng công chúa, hay là cô con gái họ Mị, tên Nương?

Mị-nương, theo văn pháp mà xét, là cô Mị 媚娘. Và nên nhớ rằng chữ «mị» có chữ «nữ» một bên. Điều đó chứng tỏ gì? Theo ý tôi, các bộ lạc, dân tộc đời cổ chia ra nhiều phái hệ, có bộ lạc thuộc về phụ tộc, có bộ lạc thuộc về mẫu-tộc. Có lẽ dân Việt trước cũng theo thể mẫu-tộc (régime matronymique) chăng? Nhưng rồi sao sau lại đổi theo thể phụ-tộc? Có việc gì quan trọng mới đổi chính-thể chứ? Sử-ký đã nói về chỗ này những gì? Không ai biết cả!

Tư Mã-Thiên nói Sở và Việt đồng tông, tức là đồng tộc. Như vậy, không phải là nước Sở, nước Việt mà là bộ-lạc Sở và bộ-lạc Việt (clan Sở ou

clan Việt; ou phratricie Sở, ou phratricie Việt). Lại nói nước ta xưa bắc giáp Động-đình hồ, nam giáp Hồ-tôn, tây giáp Ba-thục, đông giáp Đông-hải. Thế sao Văn lang quốc chỉ có 15 bộ mà quanh quần ở miền bắc Trung-kỳ và Bắc-kỳ? Nước Sở vào thế kỷ thứ 9 trước Thiên-chúa đã chinh phục Việt-quốc. Còn sách nào nói Sở chinh phục được Việt vào năm 333 trước Thiên-chúa mà ông Quế đã dẫn ra? Vậy xin hỏi Sở chinh phục Việt vào năm 900? Hay Sở chinh phục Việt vào năm 333?

Hồng-bàng trị vì từ năm 2879-258 trước Thiên-chúa, tính ra 2622 năm, mà chung qui chỉ có Kinh-dương-vương, Lạc-long quân và 18 vua Hùng? Sống chỉ mà giai-giãng lắm thế? Các nhà bác học đời nay đã công bố rằng người ta không bị trúng độc (absorption des toxiques) thì có thể sống được 180 năm. Đó là tối cao số. 18 vua Hùng sống lâu quá! Huống chi, lúc đó lại ngang đời Nghiêu, đời Chu (cống bạch-trĩ). Vua Tàu và người Tàu tại sao lại chết non nhiều hơn người Việt? Vậy xin ông Quế giải quyết giùm cho!

Các bộ lạc cổ đều cho mình là giòng dõi một nguyên-tắc linh-thêng, hoặc một sinh-vật có phép-nhiệm-mầu. Một giải đất từ Động-đình đến Quảng-bình, Quảng-trị tất có nhiều bộ-lạc ở, chứ lẽ nào lại có một bộ-lạc họ Mị ở mà thôi? Có xảy ra sự gì quan-trọng mà lúc Kinh-dương-vương trị-vì thì nước Việt mệnh-mạng từ Động-đình đến Hồ-tôn, mà đến Hùng-vương thứ nhứt chỉ còn có Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ? Sử chép gì về chỗ này? Không ai biết!

Và chắc-chắn có 18 đời Hùng-Vương? hay là 81 đời? Nghi-vấn và nghi-vấn! Trong khoảng 2622 năm mà có 81 đời vua thì có gì là nghịch-lý? Tạm cho rằng có Mị nương con gái vua Hùng-vương thứ 18. Tạm cho rằng có Thục

Phán cầu-hôn. Nhưng nước Thục ở chỗ nào? Và ai dám quyết rằng bộ-lạc của Thục Phán có tục «ngoại cầu hôn» (exogamie) chứ không phải tục «nội cầu hôn» (endogamie). Phải biết rằng tục-lệ của dân-tộc cổ rất nghiêm-khắc: đáng lẽ phải «nội cầu hôn» mà «ngoại cầu hôn» thì bị tử hình, và đáng phải «ngoại cầu hôn» mà «nội cầu hôn» cũng không còn mạng.

Trước khi nói Thục-Phán cầu hôn Mị-nương, sao không hãy dẫn cho người ta biết nhiều bằng-cớ xác-đáng về Thục-Phán đã theo lệ bộ-lạc mình mà thi-hành chế-độ: «ngoại cầu hôn»?

Tạm cho rằng có Mị-nương. Mị-nương là cô con gái họ Mị, như ông Kiều Thanh-Quế đã nói. Vậy theo ông Kiều Thanh-Quế, thì dân Việt và dân Sở đồng họ Mị, ta có thể nói rằng tất cả các cô con gái nước Sở và nước Việt đều là Mị nương. Ông Quế có biết rằng tên là đề chỉ cá-nhân không? Nói Mị-nương là con gái vua Hùng thì còn chi là phân-biệt?

Ông Quế đã quá tin Tư-mã Thiên. Tư-mã Thiên dựa theo bằng-cớ nào mà nói dân Sở và dân Việt đều là họ Mị?

Thêm vào đó, Thục An-dương vương họ Thục sao con gái lại là Mị-Châu? Cha họ Thục, sao con họ Mị? Hay là Thục An-dương-vương lấy người con gái họ Mị (người Việt hay người Sở, theo Tư-mã Thiên hay Kiều Thanh-Quế) mà bộ-lạc người Thục có chế-độ mẫu-tộc (régime matronymique)?

Ai dám quyết-định điều này?

Tóm lại, không ai biết đời Hùng-vương có mấy đời vua, Mị-nương là con ai và Mị-Châu có thật tên là Mị-châu hay không!

Theo thuyết của Ozanam, chuyện hoang-đường là sử-ký thi-vị-hóa. Nhưng mà sau mấy ngàn năm, không thể nào do chuyện hoang-đường mà biết sử-ký.

Tôi mong rằng ông Quế đừng quá tin một đoạn sách tâu mà viết quyết-đoán như vậy. LAM-GIANG

Sử - liệu sống

Cai Vàng là người thế nào ?

NGÀY năm ngoái, nhân về thăm gia-hương, tôi có đến yết một ngôi tổ-miếu, thấy trước miếu còn một cái nền không. Vào từ đường thì bốn hàng cột có đoạn cháy ra than và các sà con bính như bị lửa bén, tôi tò mò hỏi người trưởng họ, mới biết miếu chúng tôi khi trước đã bị « giặc » Cai-Vàng đốt phá gần hết làng; ngôi tổ-miếu bị cháy mất cái nhà bái-đường và lửa đã lén vào nhà từ đường, tương-truyền rằng cháy như thế trong mấy hôm mà không ai biết vì ngoài bái-đường chứa toàn sách cả, nên cứ cháy âm-ỷ mãi.

Đứng trước cái nhà bị cháy sém ấy, tôi cảm thấy cả một thời bình hỏa mà các cụ già mỗi khi nói lại cho con cháu nghe có kể đã cho là chuyện hoang đường. Mà có khi hoang - đường thật, vì truyền thuyết sai lạc, còn thêm bớt vài điều dị-doán mê tín.

Chuyện « Cai Vàng » cũng là một chuyện bị người ta tô-diêm thêm nhiều quá.

Vậy, Cai Vàng là người thế nào ?

Theo sách (1), Cai Vàng tên là Nguyễn-Thịnh, người huyện Phượng nhỡn, tỉnh Bắc-giang, có tông giáo và làm Cai-tổng (tức như chánh tổng)

Tháng ba năm Tự-đức thứ 15 (1862) tự tôn làm nguyên-súy, và tôn lữ tên Ôn làm minh-chủ, liên lạc với bọn cướp bề miền duyên hải tỉnh Quảng-yên.

Sau khi mộ được vài nghìn quân, Cai-tổng Vàng kéo về Lạng-giang (phủ Lạng-thương bây giờ), đánh tan quân Triều-đình của Phó lãnh-binh Tôn-thất Túy, kéo qua huyện Yên dũng, rồi vây thành Bắc-ninh.

Các đạo binh ở ba tỉnh Hà-nội, Sơn-tây và Hưng-yên được lệnh mộ thêm binh để hội tiến.

Bổ-chánh Hà-nội là Phan khắc-Thuyết, Bổ-chánh Sơn-tây là Lê Dự,

Phó-lãnh-binh Hưng-yên là Vũ Tảo kéo binh sang giải vây cho tỉnh Bắc ninh.

Đánh nhau nhiều trận, quân triều đình thắng. Ông Vũ Tảo kéo được một đạo binh, trong thành đánh ra, ngoài đánh vào, giải được vây, quân giặc bị tan vỡ, và Cai Vàng cũng bị tử trận.

Trên đây là sách chép văn tắt sơ lược. Tôi nhân gặp một bậc cổ-lão trong họ Cai Vàng kể chuyện lại, xin cứ thuật lại ra đây để giúp thêm phần khảo-cứu :

Nguyễn văn-Vàng (2) thường gọi là Cai Vàng sinh năm Gia-long thứ 12 (1813) tại làng Vân-sơn, tổng Sơn đình (cách phủ Lạng-thương chừng 15 cây số).

Lúc thiếu thời, Vàng học chữ nho, thi mãi không đỗ, sau được làm Cai-tổng, tổng Sơn-đình. Không được bao lâu, vì có sự xích-mịch với lý-trưởng và dân xã Sơn-đình về việc thu thuế điền, Cai-Vàng can tội ngộ sát, bị bắt giam ở Lạng-giang và Bắc-ninh. Về sau, được tha và phục chức, y vẫn quen tính cũ, nên lại dính-lưu vào một vụ cướp. Lần này bị đầy đi Yên-thế.

Hồi ấy, năm Tự-đức thứ 13 (1860) ở Hải-dương có tên giặc là Thương-Tuyền (?) nổi lên định cướp thành Hải-dương, quan quân phải mộ quân đánh giặc. Cai Vàng được tha và nhập-ngũ đại tội lập công, nhưng đến Hải-dương, y liền làm phản, theo giặc, rồi mộ quân ở các làng.

Ngày 21 tháng hai năm Tự-đức thứ 15 (1862), Cai Vàng trống giông, cờ mở kéo về Vân-sơn, làm lễ tế cờ, rồi ra quân.

Em Cai Vàng là Đề Tụy làm tiên phong, một đạo binh có đủ gươm giáo, súng ống. Cai Vàng nổi lên cướp phá tỉnh Bắc-giang và các miền phụ cận, đi đến đâu cũng cấm quân không được sách-nhiều, cốt lấy lòng dân để mưu đồ vương-nghiệp.

Sau khi chiếm đóng phủ Lạng-giang, Cai Vàng dùng thuyền qua sông, kéo về Bắc-ninh, về đóng ở làng Đình-bảng (thuộc phủ Từ-sơn) và định phạm vào tỉnh Hà nội.

Khi ấy, một đạo binh ở tỉnh Bắc ninh tiến sang và một đạo binh ở Hanoi tiếp ứng, Cai Vàng gặp binh triều đình mạnh quá, chống không nổi, thủ hạ tan vỡ, bị tử trận tại đình làng Nhồi (Đình-bảng) vào ngày 30 tháng tám năm Tự-đức thứ 15 (1862).

Còn truyền-thuyết về vợ lẽ thứ ba Cai Vàng mà những người hát rong vẫn hát và có sách chép chỉ là một chuyện đặt ra thôi (3).

Sự thực Cai Vàng có tất cả ba vợ: Vợ cả tên là thị Nội được ba giai, một gái, hiện nay con cháu hãy còn; hai người vợ kia không có con. Một trong ba người vợ ấy mất từ khi Cai Vàng chưa khởi nghị, còn hai người kia vẫn ở làng.

Trong khi làm giặc, đánh phá mọi nơi, Cai Vàng có lấy thêm một người thiếp đem theo, nhưng thực thì người ấy cũng không giỏi võ nghệ và cũng không có dự gì vào công việc chiến trận.

Từ năm Tự-đức thứ 15 (1862) đến nay, cách nhau ngót 80 năm, chưa được một thế-kỷ mà câu chuyện đã sai lạc cả, truyền thuyết sai, chép sách sai, không biết ngoài trăm năm còn sai đến thế nào ! Khó thay, ngôi bút của nhà sử-học. TIỀN-ĐÀM

1) Đại-nam thực lục chính biên đệ tứ kỷ, quyển 26, tờ 16,

(2) Ô. Sở-cường Lê-Dư cho là vì làm chánh-tổng Hoàng vãn nên gọi là Cai Vàng xem Nam quốc nữ-lưu),

(3) Xin coi Nam quốc nữ lưu của Sở-cường Lê-Dư và Cai-vàng truyện của Nguyễn Xuân-ngọc đã xuất bản cách đây vài năm.

Đón coi :

Mấy bài thi-ca tàu dịch của một văn nhân vô-danh

của Thúc-ngọc Trần văn-Giáp
Mếu thờ Mai-công Hương với một chữ lăm của cụ Phan thanh - Giản
của Lê thọ-Xuân

Phê-bình « Nguyễn trường-1ộ »

Kiều thanh-Quốc

Tài-liệu đề đình - chính những bài văn cổ số 6

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XIV

Cung-oán

Thợ gòai thêu-dệt khéo ghê đường !
Dan-dắng hồng-nhan sự lạ nhường.
Điện Hán há rằng phai nhạt phấn,
Cung Đường nở đề thẹn - thàng
gương !

Lò chần thủy-vũ năm canh gió,
Dàn gối san-hồ một vết sương.
Chỉ thiết nỗi mình nên thắc-mắc,
Thuyền - quặng nóng-nổi phận lạ
thường !

Kèo-quẹt ngại thay một chữ tình !
Thối đưng dở-dối lại buồn tên !
Ngắm rầu-rĩ để cùng đua tiếng,
Mặt ủ-ê loan khéo dạm hình.
Hoa dậm rầu ch-êu kẻ trước sỡ,
Nguyệt mơ-màng vẽ xẽ bên màn.
Đài dương bao nở hơi xuân bén,
Đừng đề riêng ai chịu bất-bình.

Hin-hắt chồi ngó đã xẽ mảnh,
Lòng sầu thấy cảnh nhặng bao đành !
Nguồn ân chẳng tổ mà hao cạn,
Bề thăm không dầm cũng nổi-nênh.
Hương đốt hồn hoa quanh vẫn khói,
Gương giờ trâm ngọc đập lay doanh,
Chín lần vì thấu nguồn cơn ấy,
Thì cũng nên thương kẻ hữu tình.

Lêu-đếnh làm chi dám cửa quyền ?
Canh thâu trần-trọc lưỡng cố-miền !
Rèm hoa lơ-lả vài chồi liêu,
Trướng gấm êm mềm chiếc gối uyên.
Nang dục lửa Tương lò thái-ất,
Long-lanh giọt lệ lách đào-nguyên.
Cung Đường rầu-rĩ là nhường ấy,
Nghĩ mãi thêm đeo nặng gánh phiền !

Gương mặt sầu lên gọi đũa hàn,
Văn-phòng chấp-chảnh một đôi câu.
Nghiên chưa mở đã mềm lòng đá,
Mực thoát mài thối lẫn giọt châu.
Bút chép chữ chân ra chữ thảo,
Giấy đề thơ cảnh hóa thơ sầu !
Cũng mong mượn thế làm kẻ phá-

khỏa,
Dầu thế mà khuây-khỏa được đâu !

Cuốn bức khăn là nước mắt đầy,
Nỗi r-êngh mình lại một mình hay !
Con chim bất gió ngấm sâu dõ,
Chiếc nhạn kinh sương nặng trĩu dầy.
Gởi bốn mùa, tha hoa ủ mặt,
Rèm năm canh, nguyệt liễu tan mây.
Nỗi-niềm thắc-mắc chỉ cho bạn,
Cung Quảng kìa ai cũng thế này !

Đóa hoa phở nhĩ giọt sương g'eo,
Ngắm phận hồng-nhan có khác nào.
Hoa nở hương sâu hoa gác tía,
Giọt sa bề Sỡ giọt ngòi Tàu.
Mới hay lừng-lẫy vì duyên thắm,
Đừng có khoe-khoang những má

đào !
Nhấn hỏi mấy người phen chuy-
cũ,
Rằng xưa Vương-thị những làm sao ?

Dù tươi dù ủ, phận ân là,
Nghĩ đức sinh-thành lưỡng xót-xa !
Châu quế tháng ngày thối thế ấy,
Ngọt bài khuya sớm biết bao-la !
Sam-vầy khôn ước ngày con trẻ,
Chưa-xót thêm phiền dạ kẻ già !
Cay đắng bấy nao tay tạo-hóa,
Muốn lên đến đấy gọi cho ra !

Điện phong cao thăm thẳm cùng
chăng,
Cung Quảng sao riêng phụ ả Hằng ?
Bức lạnh lầu trang sương đóng
vàng,
Mây giăng non Thục yển khuây
chùng.

Lò chần thủy màu 'hối quặng,
Thăm khăn là nước mắt ngừng.
Phận nổi lênh-đếnh bao xiết kẻ,
Vĩ xây sầu nọ ất nên từng !

(Trích ở quyền Quốc-âm thi-ca
tạp-lục, sách viết bằng chữ nôm
của Trương Bắc-cổ, số A B 296,
tờ 4b-7b) (1).

XV

Mẹ ơi, con muốn lấy chồng (2)

(Hạn văn : Gái tơ mà đã
ngứa nghề sớm sao !)

Tình mẹ có hay ? Nghĩ còn
không đại, phải kén tằm chồng,
mới yên phận gái ; đẹp lòng kia
gặp gỡ là nên, thuận ý nọ lứa đôi
cũng phải. Mẹ suy bụng mẹ, sao
yên gia-thất mới đành ; con nghĩ
lòng con, cũng muốn cơ-đồ được
thỏa.

Tưởng như con này, gặp khi
sen ngó, đương thuở đào tơ, kè
bạc phong-lưu yếm thắm gái
đào chỉ tha-thuốt, cũng thời
trang-diềm môi son má phấn chỉ
nhờn-nhơ. In màu bồ-l-êu chỉ
xuân, đêm ngày gìn-giữ, hé cửa
động đào chỉ nguyệt, năm-tháng
đợi-chờ, bởi ai chênh mảng. nên
kẻ hăng-hờ ? Tin yển đưa thoi,
thấp-thoáng bóng câu chi ruồi,
khúc hoàng loạt tiếng, bâng-
khuâng hồn bướm chỉ mơ. Chín
e điều voi cái chi cười, thiệt công
mà đại, những gù tiếng chó con
chỉ trách, thấy cửa liễn vơ.

Thưa con nghĩ thế, xin mẹ
nghe ra, cũng đòi chúng bạn,
cũng một lứa nhà, người sao đã
có, mình vẫn không mà ? Chẳng
thanh tịnh tu đà thành Phật,
dầu chính-chuyên thác cũng ra
ma. Sao kia còn có bà Ngâu,
sông Ngân đợi bắc cầu qua bến,
giăng nọ vẫn nuôi chú cuội, cánh
mây khép kín cửa trong nhà ?
Xem vật loại cũng ở trong khuôn
giới đất, ngấm chuyện mà đề
ngắm sự người ta, có hơi biết
mùi đời chi hương-phấn, lại càng
nồng sắc nước chi nguyệt-hoa.

Mừng thuở gặp thời, tơ l-êu
chỉ chùng đôi tám, sợ khi quá
lứa, quả mai chỉ rụng bấy ba.

(1) Như trước đã nói, những bài
thơ cổ trích ở quyền Quốc-âm thi-ca
chưa có ai chép ra quốc ngữ.

Dầu hèn dầu sang, may có kẻ yêu chi phận gái; ép dầu ép mỡ, xưa kia ai cấm chi duyên bà? Xin mẹ bằng lòng cho con vững dạ; muốn cho gai hiên, lấy được rề khá, nhưng mong là sửa túi nâng khăn, nào thấy có gieo cầu ném quả; bẹn mười bẹn chín, mấy mặt thấy dầu, ngày một ngày hai, nhưng lòng rấp dĩa. Nhớ sông Han rong chơi hợp mặt, ngắm xem phận gái, về-vang chi rờng đã có mây, tưởng bến Tần vui thú dăng tay, trông thấy chị em, sức nước chi lan nương bên xạ.

Nghĩ ăn chẳng ngon, nghĩ nằm chẳng ngủ, đêm những ngậm-ngùi, chán lược biếng chải, chán gương b ếng soi, ngày càng buồn bã! Lòng bác mẹ mong giăng tròn hoa nở, nỗi u-tình biết tỏ với ai hay, tình chị em yêu áo xẻ cơm nương, của vu vật có nhẽ đâu người dỡ, ngao-ngán nỗi long danh chi phận, trót buộc tay dăm ngổ người hay, sung-sướng thay dầy thóc chi bồ, biết no bụng nào nương kẻ lữ.

Vậy nên con muốn bằng chị bằng em, có đôi có lứa, nhẽ chị dâu ở mà chi mèo lành, tính cũng muốn húc sào chi dê sữa. Chớ ỏe-hoẹ bà già chi lên mặt, những kén cá chọn canh, đề dờ-dang con trẻ chi ngang lòng, thôi lại già lừa để ngựa! Không trách kẻ rương dâu chi đứng, nghĩ như kẻ ấy lại thêm buồn, cũng thấy ai bụi ráy chi ngồi, có bận ai đâu mà lại ngựa?

Mẹ vẫn rge mười voi không bắt xáo, chớ những lúc gối quì tay liềm, lâu ngày tình khổ chịu sáo, con đại nghĩ trăm lợn cũng một lòng, e những khi lửa bén gần rơm, một giờ dễ hay giữ cửa. Con vẫn biết giai khôn trăm nét, gái đại bảy nghề, xuân-lâm chợt động, xuân-sự chớ hề, vẫn gối

phượng chần loan chỉ chờ đợi, nào tin ong sứ bướm chi đi về.

Đã hay rằng sớm muộn tối đào, có sao kẻ dãi mỡ chi rì rào, dầu rằng có nụ cà hoa mướp, khéo những người nở miệng chi gớm ghê! Thôi mẹ đừng cấm chớ ngăn sông, xá quản người đời chi mai mỉa, đề con liệu nhò sào qua bến, tha hồ miệng thế chi cười chê. Phượng chi glời đã định người có thì, mẹ cũng mong con được sớm, hễ lấy được ché, hễ ché được lấy, khỏi mang già kén chi cười; sao nên chẳng gặp, sao gặp chẳng nên, lại phải miệng đời chi nhảm.

Đã lắm lúc bực mình chi ché dễ, vì đường kinh kỹ loay khoay, cũng đã nhiều phen sạn mặt chi đá trơ, không nhẽ quyền nghi chút tạm. Phỏng như lúc tơ tơ chi con gái, thoảng trông người cũng đã yêu, ngộ theo sau sông sọc chi cái già, nhác thấy ai mà chẳng gớm?

Thôi thì đẹp duyên thì lấy, có đâu đòi chác chi cỏ rau, hẳn là phải kiếp thì theo, xá quản tâm thương chi tấm cám. Vậy có thơ rằng:

Nhân duyên giời chữa định nơi nao,

Nông nổi con nay mẹ tính sao?

Con muốn lấy chồng con lại sớm,

Kẻo người lấy hết trồng mông gào!

— Mẹ già nghe nói, khuyên con ngọt ngào: « Hễ nhà có gái, lắm kẻ ra vào; biết đâu là duyên ưa lá thắm, đề mong cho phận đẹp má đào; vội chi mà vội, bao giờ thì bao. Cũng mặc ai chỉ Tấn tư Tần, cứ giữ lấy mình vàng giá ngọc, cho đáng kẻ chồng loan vợ phượng; lọ là nên chào khách bán rao. Há lọ đâu có ế chi chồng: giở muộn càng nhiều quả chấu, cũng nên

Thống chế Pétain đã nói:

« Lòng đã hứa lòng. Bản chức không chịu biết trong nước pháp có chánh đảng và giai cấp. Bản chức mời mọi người hãy trút hết cái ý nghĩa về chức ngạch hủ bại thành kiến ích kỷ, thù hằn, hiềm nghi và nay bản chức hô hào phải kết thành đoàn thể người Pháp cương quyết với sự chống giữ đất nước, dân tộc ».

nghĩ đương xuân chi gái, ngọc lành bấy đợi giá cao. (Theo quyền *Quốc văn tụng ký* sách viết bằng chữ nôm của Bác cổ, số A B 383, quyền hạ, tờ 24 b-27 a)

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Trường Bác cổ có ba bài *Mẹ ơi Con muốn lấy chồng*: một bài văn sách sao trong quyền *Đại nam quốc âm ca khúc* (bản viết của Bác cổ đề là của « Thượng thư Nguyễn-công-Trứ soạn » số a b 146 tờ 111 b-113 a) một bài kinh nghĩa của ông Lê quý-Đôn, sao trong quyền *Quốc văn tụng ký* (số sách a b 383, quyền hạ, tờ 16b-18 *) và một bài phú cũng sao trong *Quốc văn tụng ký* quyền hạ, tờ 24 b-27 a). Bài chép ở trên là bài phú, hiện chưa có ai để ra quốc ngữ, bài văn sách cũng vậy, chưa ai đem ra in, có lẽ tại hơi tục. Bài kinh nghĩa thì ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã in phụ vào quyền *Cung oán ngâm khúc* từ năm 1911; tôi có đem ra so với bản nôm của Bác cổ thì thấy khác có vài chữ như sau này: Trang 28, ông Vĩnh chép là: « Con nghĩ rằng: Thôi đưa thắm thoát, người ta như có lửa chỉ mằng; bản chữ nôm của Bác cổ viết là: « Con tưởng rằng: Thôi đưa thắm thoát, người ta như có lửa chỉ hoa ». Trang 30 ông Vĩnh chép là: « Mẹ chẳng xem, miền đông lân kẻ nọ chi nghèo thế, làng bắc lý người kia chỉ tống nữ; bản chữ nôm của Bác cổ chép là « vùng bắc lý » có lẽ đúng hơn vì chữ « lý » đã là « làng » nếu viết là « làng bắc lý » thì hơi trùng.

Nhà Học-Xá Hanoi dựng lên cho tất cả các xứ ở Đông-Pháp tương tự như nhà Học-Xá Paris dựng lên cho tất cả các phần tử của đế-quốc Pháp.

Ta nên quyên cho công-cuộc dựng Học-xá.

Tiền quyên xin gửi cho hội-đồng hạt Bắc-Kỳ (Văn-phòng quan Thống-Sứ hay là Đông-Pháp Ngân-hàng, Trướng mục (Compte) "N° 55,964 Học-Xá")

TÙY HỨNG

Trung nữ-vương

Ba năm hùng cứ trời Giao-chỉ,
Muôn thừa lưu danh đất Lạc-hồng.
Nửa gánh sơn-hà em với chị;
Một lòng oán-hận nước như chồng.
Cột đồng Đông-hán còn hay mất?
Nước bạc Tây-hồ vẫn có trong.
Đánh dấu sử xanh bằng má đỏ;
Cho hay khăn-yếm cũng anh-hùng.

ĐÁI ĐỨC-TUẤN

Tiết-phụ ngâm

(Nguyên văn chữ Hán của Trương-Tịch)

Quán tri thiếp hữu phu,
Tặng thiếp song minh châu.
Cảm quán triền miên ý,
Hệ tại hồng la nhu.
Thiếp gia cao-lâu liên uyển khởi,
Lương nhân trấp kích Minh-quang lý.
Tri quán dụng tâm như nhật nguyệt,
Sự phu thế nghĩ đồng sinh tử.
Hoàn quân minh châu, song lệ thù,
Hận bất tương phùng vị giá thỉ.

DỊCH:

Chàng biết em có chồng,
Tặng em đôi ngọc trong.
Cảm lòng ai quyến luyến,
Đeo trong yếm lụa hồng.
Lầu cao em ở bên vườn ngự,
Chồng em trấp kích đền Minh-quang.
Thờ chồng thế đã cùng sinh tử,
Lòng chàng vắng biết sáng như gương.
Trả lại ngọc châu, em giận lệ,
Giận khi chưa cưới, không gặp chàng!

TÂM-HƯƠNG dịch

Vịnh hòn non bộ

Khen ai khéo tạc cảnh con con,
Đủ cả sơn-thôn, đủ cả cồn.
Cỏ-thụ rậm cây vờn mặt nước,
Sương-bồ mấy khóm nép sườn non.
Ngư-ông đợi cá lưng không mỏi,
Mực-tử rong trâu gỏi chẳng chồn.
Nắng giãi, mưa dầu từng mấy độ,
Trơ trơ đá núi vẫn chưa mòn.

VÂN-THẠCH

Những tâm hồn nghèo

Cần cỗi quá! những tâm-hồn nghèo xác,
Như những nhà vách nát với tường xiêu,
Mái hở tung mặc gió sớm, mặc mưa chiều
Trong rỗng tuếch đượm vẻ buồn man-mác
Cần - cỗi quá! những tâm - hồn nghèo xác
Như những cây ngơ ngác dưới trời đông
Chẳng yêu đương cũng chẳng dám mơ-mòng,
Chỉ rên-rỉ và kêu trời tàn ác!

Cần - cỗi quá! những tâm - hồn nghèo xác
Đi thần-thờ như mấy lạc bơ-vơ,
Chỉ tìm nơi nương tựa với nằm nhờ
Và run-rẩy giữa bầu trời bát-ngát!

Cần - cỗi quá! những tâm - hồn nghèo-xác
Chẳng bao giờ ca-hát với say-sưa,
Mặc tháng ngày trời chẳng dám hững-hờ
Khó-khăn sống như đi trong sa-mạc...

(Trích trong cuốn Nhạc thiên-nhiên)

LETAO

TIẾT HAI

ĐỖ PHÁP-THUẬN (914-990)

TỪ BÉ được nung - đúc trong lò Phật-giáo, rồi ghé một vai vào việc xã-hội, phất cờ trên đàn văn, làm kinh rợn Lý-Gác, sứ Tàu, đề quảng-cáo cho cái tên Đại-Cổ-Việt khi mới tô màu lại làm một quốc-gia độc-lập trên bản đồ cõi Á-Đông: ấy là họ Đỗ hiệu Pháp - Thuận thiên - sư, nhiều người thường kêu là Sư Thuận.

Học rộng, thơ hay, ông là người có tài kinh-luân và sáng việc thời-thế. Xuất gia từ thừa thơ-ấu, làm đồ-đệ sư Phù-Trì, Pháp Thuận tu ở chùa Cồ-sơn.

Khi Lê mới sáng nghiệp, chính ông góp nhiều công vào việc kiến-thiết.

Chỉ thí-h làm một tên dân trong đời thái-bình, ông từ-chối hết các món phong thưởng, tỏ mình là người cao-thượng, không màng một mảy phù quý, vinh hoa. Trước cái thái-độ thanh-cao đó của ông, vua Lê Đại-Hành rất kính trọng: thường kêu ông là Đỗ pháp-sư, chứ không gọi tên.

Theo gương cần khổ của đức Thế-Tôn, ông dẫu gửi mình am mây, song vẫn vai lòng gánh-vác việc nước: giúp quốc-gia về mặt văn-hàn.

Năm Thiên-phúc thứ 7 (987), ông tạm thay cà-sa, xúng-xính trong bộ áo anh lại ở bến sông, đóng vai tiếp sứ Tống.

Nguyên bấy giờ vua Lê Đại-Hành mới bắt bài đại thắng ở Chi-lăng, không khỏi in một vết căm-hờn trong con mắt nhà Tống. Nay nhân dịp Lý-Giác, sứ Tống, sang chơi, ngài muốn thị uy với Tàu về mặt văn-học cũng như khi tiếp sứ-bộ Tống-Cảo và

Vương Thế-Tắc thì kéo cờ, dàn quân khắp nơi núi hang đề dương oai về mặt võ-bị. Thế thì người gánh trách-nhiệm tiếp sứ-bộ Lý-Giác bấy giờ tất phải là tay văn-học rất lỗi-lạc mới mong làm trọn công-việc ngoại-giao, khỏi mất quốc-thê.

Pháp-Thuận quả làm xứng-đáng chức-vụ, khiến cho sứ Tàu phải khen phục lắm.

Khi vua Lê Đại-Hành hỏi về vận nước dài, ngắn thế nào, ông có đáp lại bằng một bài thơ chữ hán đầy vẻ huyền-bí, đại ý nói: « Tội-vận nước nhà như sợi giây mây. Dưới gầm trời Nam được sống trong cảnh thái-bình. Nhà vua ung-dung vô vi, ngự nơi đền-các, chốn ấy chốn khác đều tắt binh-đao ». (1)

Năm Hưng-thống thứ 2 (990) đời Lê Đại-Hành, ông mất, thọ 76 tuổi. Ông có làm được quyền « Bồ-tát hiệu sám-bối văn ». Ta nay dẫu không được hân-hạnh đọc sách đó là một tác phẩm trước nhất bằng chữ hán của người Việt-nam, song cứ coi tên sách đủ biết nó là một thứ Thiền-thư chuyên khuyên người ăn-năn điều lỗi, thực tiễn tu-hành để thành chính quả Bồ-tát.

Sử cũ và bộ Thiền-uyển tập-anh còn chép Đỗ Pháp-Thuận có hai câu « Bạch mao phò lục thủy, Hồng trạo bãi thanh ba » nổi văn hai câu thơ của sứ nhà Tống « Nga nga lưỡng nga nga, Ngưỡng diện hướng thiên ca ». Song tôi còn ngờ, nên chưa dám liệt vào thơ của ông.

TIẾT BA

NGÔ CHÂN-LƯU (959-1011)

Cái tên Ngô Chân-Lưu với chức Khuông Việt thái-sư do vua Đinh phong cho, các bạn đã đọc Nam-sử hẳn không còn lạ.

Thủ viết

Số 14

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BÀNG

Ngô Chân-Lưu, người Cát-lợi, theo học nho từ thừa bé.

Người khôi-ngô, đẹp-dẽ, ông ôm chí thẳng-tách, không chịu bó buộc theo lễ-lối thường.

Lớn lên, xoay theo Thiền, ông thụ giới nơi Phong-vân thiền-sư ở chùa Khai-quốc thành Đại-la (Hà-nội). Từ đó, xem rộng sách Phật, sâu ngộ yếu-chỉ đạo Thiền.

Tuổi mới 40, thanh danh ông đã nổi cao theo đạo pháp. Mỗi khi vua Đinh Tiên-Hoàng vời vào bàn hỏi, ông ứng-đối rất vừa ý ngài. Vì vậy, ông được ngài phong một cái tước lớn như đã nói trên. « Khuông Việt » nghĩa là « giúp nước Việt »: chắc thái-sư họ Ngô bấy giờ có nhiều công lớn trong việc khuông-phò quốc-gia.

Lê lên. Ông là người được trọng đãi nhất trong con mắt vua Đại-Hành. Phàm các việc quân quốc trọng đại đều có ông dự vào cả. Chính ông phải giữ việc văn-mặc, giao-thiệp với sứ Tàu.

Khi Lý-Giác trở về Tống, ông có tiễn sứ-giã một bài khúc bằng chữ hán đề tỏ tình thân thiện giữa hai nước Bắc, Nam:

Nguyên - văn

Tường phong hòa - hảo, cầm
phạm trương l
Đao vọng thần-tiên phục Đ
hương.
Vạn trùng sơn thủy phiếm

Thương-lang. (2)

Cửa thiên qui lộ trường...

Tình thâm-thiết,

Đối ly trường!

Phan luyến sử tình lang ..

Nguyễn tương thâm ý khán
biên-cương (3):Phân-minh báo (4) ngã hoàng l
DịchGió lành xuôi thời, cánh bướm
đương!Xa ngóng thần-tiên, chốn Đ
hương...Muôn trùng non nước chèo sông
Thương,

Chín trời về đường đường...

Chén ly-biệt,

Tình thâm thương!

Nhìn cờ sứ: nhớ-nhung chàng!

Mấy nhời nhắn-dữ cùng quán
thượng:

Săn-sóc chốn biên-cương!

Vì bài thơ này của ông. An-nam, một nước mới tở-chức ở đời bấy giờ, được nổi tiếng là nước văn-hiến đối với người Tống.

Khi già, ông xin về ở quận nhà: miễn cảnh Hi-sơn, dựng chùa để trụ-trì tại đó. Khao khát tiếng ông, người ta theo học đông lắm.

Chịu ảnh-hưởng Phật-học, thơ ông nay còn sót lại vài vần (5), chỉ là tiếng vang của môn triết-lý đó. Ý-tứ thì phiêu-diêu như mấy tiếng chuông chùa lúc canh khuya; lời văn thì mộc-mạc cũ-kỹ như pho tượng cổ ngồi dưới mái chùa hoang-phế.

Ông mất ngày 15, tháng 2 năm Lý Thuận-thiên thứ hai (1011), thọ 52 tuổi (6).

TIẾT BỐN

BỨC THƯ NGOẠI-GIAO
CỦA ĐỜI TIỀN LÊ

Hồi Đinh, Lê độc lập, ta học hán-văn đã tấn-tới lắm rồi.

Xem như khi sứ bộ nhà Tống là bọn Tống-Cảo sang ta vào khoảng năm 989, đã thấy ở cửa phủ thư đời Tiền Lê có đề mấy chữ: « Minh đức môn », thì đủ biết trình-độ hán-học của nước ta, cách nay độ một nghìn năm, đã cao là dường nào.

Lại xem như mấy vần thơ dẫn trên, đủ biết văn tài của các ông Đỗ Pháp-Thuận, Ngô-Chân-Lưu chẳng kém gì những tay danh sĩ Tàu. Nhưng đó mới là một vài câu thơ làm tiêu-biểu cho lối văn văn ở đời ấy.

Nay nhân bức thư nhà Tiền Lê giao thiệp với Tống, ta thấy Việt-nam bấy giờ cũng đã nhập cảng được lối văn biên-ngẫu rồi. Phải, ở Tàu, đời Tống, lối văn tứ lục rất thịnh hành, thế nào chẳng theo ngọn sóng biển Đông tràn vào mảnh đất Đại-Cổ-Việt.

Năm Thiên-phúc nguyên niên (980), vua Lê-Đại-Hành có sai các ông Giang-Cự-Vọng, Vương-Thiệu-Tộ đem bức thư, giả làm lời của Vệ-vương Toàn (con vua Đinh-Tiên-Hoàng), sang Tống đề cầu nối ngôi.

Trong thư đại ý nói: Trước đây, vua Đinh - Tiên - Hoàng và ông Liễn đã được nhà Tống giúp đỡ, vẫn cần - thận giữ yên bờ-cõi, không dám ngang trái điều gì. Chẳng dè cái công đánh đông dẹp bắc chưa được đền-bù, thì h-linh đã xảy đến cái nạn sinh tử biệt ly khiến phải bùi-ngùi vì cảnh đời người như giọt sương

buổi sớm! Nay vì tình thế ép-buộc, quân dân vật-nại, ông Toàn xin quyền làm Tiết-độ, giữ việc quân-sự và cai-trị xứ này. Vạy xin nhà Tống phong cho nối ngôi đề tỏ cái ân-diên diên thường của triều-đại Tống và yên-ủi tâm lòng tận trung của ông (7).

Văn viết tuy có nhiều câu đối nhau theo lối biên-ngẫu, như:

Chưa hết cái nhọc ngựa do
mồ hôi,

Đã xảy nỗi buồn cuộc đời
sương sớm (Dịch).

Và

.... Cùng đến trong khoảng
năm mờ,

Xin quyền công việc quân quốc .
(Dịch).

Song lời văn hãy còn mộc mạc chứ chưa màu mỡ, văn hoa, bóng bẩy như đời sau.

(Còn nữa)

1) Nguyên văn chữ hán như vậy:

« Quốc lộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái-bình.
Vô vi, cư diện các:
Xử xử tức đao binh. »

Dịch ra thơ ta:

Đối nước như giấy mây,
Trời Nam thái-bình đây.
Ung-dung ngồi diện các,
Binh đao tắt hết ngay.

2) Có bản chép là: « Thiên trảng
vạn lý thiệp Thương lang ».

3) Hoặc « Nam phương ».

4) Hoặc « Tẩu ».

5) Như câu: « Thủy chung vô vật
diệu hư không. Hội đắc chân-như,
thế tự đồng! » (Đáp ông Đa-Bổ hỏi thế
nào là đầu và cuối đạo Phật).

Và bài:

Mộc trung nguyên hĩa hỏa,
Nguyễn hỏa phược hoàn sinh.
Nhược vị bản vô hỏa,
Toàn Tạng hà do manh?

6) Có bản nói là thọ 79 tuổi.

7) Nguyên văn chữ hán có in trong « Đại Việt sử ký toàn thư, nội kỷ » và dẫn trong mục « Bang giao chí » sách « Lịch triều hiến chương » v.v.

Xét nguyên - ủy câu:

« Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi »

Trong Tri Tân số 19, bạn Sùng Thanh có bài « Tục-ngữ, ca-dao về ngày kỵ vua Lê Thái-Tổ », vì chú trọng về ngày giỗ đức Lê Lợi, nên mới lược bỏ việc ông Lê Lai. Nay ông Hương Sắc nhân dịp đi chiêm ngưỡng lăng vua Lê Thái-tổ và thăm làng Lam sơn, được ông lý iảng Lam sơn, một trang sinh ở đoàn Võ Tánh, Thanh-hóa, cho xem bộ Lam Sơn Thực Lục chép về việc 10 năm bình Minh. Ông Hương Sắc bèn nhặt lược tài liệu trong bộ sách ấy mà viết bài sau đây nói thêm về chuyện Lê Lai. Vay bản chỉ xin lục đăng để hiến các bạn đọc thân yêu thích nghiên cứu về ca-dao và quốc-sử.

T. T.

MUỖN tiếng hưng Trần, diệt Hồ, quân Minh chiếm-cứ đất đai Nam-việt. Lòng người oán-thán.

Lê Lợi, người Lam-sơn, ngầm thu dụng nhân tài, chiêu tập binh-sĩ. Năm 1418, thấy lòng người ghét quân Tàu đến cực-điểm, ngài bèn dựng cờ nghĩa, đuổi quân Minh.

Buổi đầu quân chưa quen chinh-chiến, nên thường phải nếm « mùi » thất bại, bao lần gian-nan khổ-sở !

Một hôm, sau một trận kịch-chiến, quân bị tan-tác, ngài bĩ thế, cùng ít tàn quân, lui về Linh-sơn, nơi trú chân của ngài mấy lần nguy-khốn trước. Song lần này, quân Tàu định bắt cho kỳ được, nên vây kỹ lắm. Tình-thế vô cùng nguy ngập : quân một ngày một mòn, lương mỗi bữa mỗi cạn ; thoát ra cực khó mà thủ hiểm cũng chẳng hơn gì ! Bình-định-vương hội tướng - tá lại, bàn tính một mưu cuối-cùng : Dốc toàn lực ra tử chiến một dịp, thoát được càng hay, bằng không, da ngựa bọc thây cũng hă.

Nhưng Lê Lai, tên chính là Nguyễn-Thận, (vì muốn che mắt quân Tàu trước khi khởi nghĩa, nhiều người, theo lệnh của đức Lê Lợi, đã đổi tên và cải theo họ Lê), tiến lên, cất giọng run-run, nén sự cảm - động, tâu : « Thân vương là trọng, cả nước muốn mắt trông một, ví bằng mất đi, thì lòng người xao-xuyến, sao đuổi cho được lũ người Minh ra khỏi bờ cõi ? Lai này xin tự hiến thân, trá hình làm minh-chủ, may ra đánh lừa được bọn chúng nó ».

Thấy kế phải, Lê Lợi chịu theo và cảm động vì lòng hi-sinh của Lê Lai, gạt nước mắt, rút gươm vạch xuống đất mà rằng : « Sau này dầu thành hay bại, người sẽ được tiên-hưởng ».

Hai người trao đổi y-phục cho nhau, rồi Lê Lợi cùng với ít tùy-tòng, đổi dạng làm tiểu phu, men đường hẻm, tìm cách trút xuống sau núi. Trong khi đó, Lê Lai mang cờ lệnh, uy nghi nhẩy lên ngựa, thúc quân lính quyết một trận sinh tử.

Quân Minh thấy quân vua Lê liền chết chực phá vây, tưởng Lê Lai là Lê Lợi, liền trút cả quân vây vào một mặt để sẵn cho kỳ được. Nhờ thế Lê Lợi mới lần trốn thoát.

Cầm chắc cái chết ở trong tay, Lê Lai và quân Nam liền đánh rất hăng, cổ dẳng dai giữ cho được lâu và xô quân Tàu về phía mặt trước núi. Quân Minh thiệt hại khá nhiều.

Song sức người có hạn, Lê Lai yếu dần dần và cuối cùng, bị một vết thương nặng vào sườn, ngã ngựa, vội quay mũi kiếm thich vào cổ mà tự tử, cạnh con ngựa phục vị xuống vì mệt, mình đầm máu.

Lê Lai chết ! nhưng Lê Lợi đã chạy thoát, và chấn-chỉnh lại binh-bị, đánh bại quân Tàu, vây khốn Vương Thông, đánh lui Mộc Thạnh, chém chết Liễu Thăng, thu phục lại sơn hà và lên ngôi cứu ngũ.

Công thành, vua Lê Thái Tổ không quên vị tướng đã liều thân để cứu mình xưa, mới truy tặng Lê Lai và định rằng sau này, khi ngài mất đi, trước hôm giỗ, phải cúng Lê Lai đã, đúng như câu tiên-hưởng đã nói trên Linh-sơn.

Ngày 22, tháng 8, niên-hiệu Thuận-thiên thứ sáu, 1433, Lê Thái-Tổ băng.

Theo lời dặn trước, các vua kế vị cứ mỗi lần kỵ Thái-Tổ vào hôm 22 thì 21 phải cúng Lê Lai đã.

Theo lẽ ấy, ở dân - gian mới có câu « Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi » như ông Sùng Thanh đã viết. Hiện nay ở làng Lam sơn vẫn còn lệ này.

HƯƠNG-SẮC

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Hôm 29 Novembre 1941, hồi 20 giờ 45, có một tiếng nổ lớn tại nhà số 26 đường Lagrandin, cạnh Lảnh-sự quán Hoa kỳ ở Saigon. Không ai việc gì.

Đuốc thờ thao đã từ Tuy-hòa đến Quí nhơn.

Tại trường Đại học phố Bobillot Hanoi, đã làm lễ phát bằng cho 12 viên tri-huyện tân khoa.

30 Novembre 1941, Hội-chợ Hanoi khai-mạc.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ vừa đi kinh-lý Lạng sơn để xét nhiều vấn-đề về việc trị-an biên-giới.

QUỐC - TẾ

Các tàu chiến Mỹ ở sông Dương-tử sắp kéo cả sang Phi luật tân để nhập vào hạm đội Mỹ ở Á-đông.

Anh sắp phái một chiếc thiết-giáp-hạm lớn sang Tân gia ba.

Kiều dân Anh ở V.ien đông được lệnh trữ lương ăn trong bốn tháng.

Nhật mới phái một chiếc tàu nữa sang Mỹ để đón kiều-dân.

Đại sứ Nhật ở Xiêm đã vào thăm thủ tướng Xiêm để bàn về vấn đề có quan hệ tới 2 nước.

Từ bán-đảo Crimée đến miền núi Caucase (1)

NHẬT-NHAM

BÁN-ĐẢO Crimée là một giol đất mền Nam-Nga chạy thẳng xuống Hắc-hải và nối liền với lục-địa do eo đất Pérékop rộng 8 cây-số.

Nhờ có địa-thế hiểm-ách lại gần các miền phi-nhiều, nên từ lâu Crimée vẫn giữ một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-lế.

Từ 1812, sau khi Hoàng-đế Nă-phá-luân rút quân khỏi đất Nga, Nga-hoàng Alexandre 1er kiến-thiết lại nền-tảng quốc-gia, khôi-phục lại cuộc thống-trị, bành-trướng thế-lực ra ngoài cõi và uy-hiệp các nước lân-bang. Nga lập lại Sébastopol, đô-thành Crimée, nhiều xưởng chế-tạo chiến-cụ, mục đích định tiến quân công-kích Constantinople là thủ-đô nước Thổ-nhĩ-kỳ.

Tháng mars 1854, khởi cuộc binh đao. Thổ có Anh và Pháp giúp-đỡ, cùng Nga chiến-đấu trên đất Crimée. Đô-thành Sébastopol bị quân Anh-Pháp-Thổ vây hãm... Sau khi chiến-lũy Malakoff bị phá hủy, quân Nga đốt phá các cơ-quan quân-sự, các lâu-đài dinh-thự, rồi giữa đêm rút ra khỏi trùng-vi (mars 1856).

Hòa-uớc Paris kết-liệu cuộc chiến tranh Crimée. Nga - hoàng phải nhượng cho Đồng-minh xứ Bessarabie và trọng nền hòa-bình của Thổ-nhĩ-kỳ.

Gần đây, ngọn lửa chiến-tranh lại lan sang bán đảo Crimée. Đức tấn công vào các thị-trấn rất mạnh-liệt, muốn mau chiếm được địa-lợi để lấy đường kéo quân sang đánh miền Caucase. Lần lượt các thành-trị bị hạ một cách dễ-dàng, duy Kertch và Sébastopol đã làm cho Đức tổn hại rất nhiều.

Kertch là một quân cảng trên eo bờ thông Hắc-hải với bờ Azov, có nhiều cơ-quan phòng-thủ trên miền duyên-hải, lại có một bức tường thanh bằng núi bao bọc. Kertch có 180 nghìn người, có nhiều xưởng sản-xuất chiến-cụ, nhiều mỏ sắt để giúp miền này được phần-thịnh.

Vì Kertch địa-thế thuận-lợi, cách miền Caucase có một eo bờ, nên Đức đã chịu hy sinh bao sinh mệnh và chiến-cụ mới chiếm được.

Bộ Tư-lệnh Nga đã từng lo quân Đức do hải-khẩu Kertch qua eo bờ sang đánh miền Caucase, nên hết sức đề-phòng.

Thống-chế Timochenko đem quân tới miền bắc Caucase, lập một chiến-tuyến, thứ hai cách 30 cây số về phía tây hải-khẩu Kertch. Miền Kouban gần eo bờ đã có cuộc tổng-động-binh và nhiều tướng-sĩ Nga cùng các quan cao cấp trong chính giới đã tới Krasnodar (thị-trấn miền Kouban) và Novorossisk trên Hắc-hải.

Anapa là hải-quân căn-cứ của Nga gần eo bờ, gần mỏn núi Caucase về phía tây cũng hết sức phòng-thủ.

Về phần Anh, tướng Wawell đã tập trung sáu triệu quân-đội tại biên-giới Ba-tur trên đất Caucase, để chặn đường quân Đức từ giol đất Taman kéo lại. Hiện nay, mỗi ngày, thêm hàng nghìn quân-sĩ đưa tới Bassorah. Quân-cảng Kertch thất-thủ, là một nguy cơ cho miền Caucase. Đức có thể tấn công vào duyên-hải Hắc-hải. Hải-khẩu Novorossisk sẽ là cái đích của cuộc tấn-công ấy, một khi Đức đã qua được eo bờ Kertch, đồ bộ lên gò đất Taman. Nếu Novorossisk bị chiếm, thì hải quân Nga sẽ phải rời khỏi Batoum là một nơi căn-cứ rất xa ở dưới miền nam.

Đức lại có thể tấn-công vào phía bắc Caucase, tiến quân đến miền đầu bờ Maikop.

Đức công-xích vào phía bắc Caucase sẽ gặp nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiểm hơn là cuộc chiến-tranh quanh bờ Azov và trên xứ Ukraine. Vì vậy, Nga hết sức phòng-thủ Sébastopol để lưu một phần quân-đội Đức trên đảo Crimée, khiến Thống-chế Timochenko có đủ thì-giờ tổ-chức cuộc kháng-chiến quanh miền Caucase.

Sébastopol có nhiều cơ-quan

quân-sự rất kiên-cố, trên đất có địa-lợi-phục, dưới nước cũng đặt thủy-lôi.

Vì vậy, bán-đảo Crimée tuy đã vào tay quân Đức mà kinh-thành Sébastopol còn giữ vững thế thủ.

Sau khi Kertch thất-thủ, Đức đã tiến quân công-kích hải-khẩu Rostov, trên bờ Azov, ngay cửa sông Don.

Rostov là then khóa miền nam lưu-vực sông Don, đã bị quân Đức chiếm được. Rostov thất thủ là kết quả đoạn thứ nhất cuộc tấn-công vào khu-vực hình chữ nhật Don-Volga-Hắc-hải-Caucaso.

Đại-tướng Đức Von Kleist nhân cuộc thắng trận, hết sức tiến về phía đông-bắc, theo triển sông Don để tới hạ-lưu sông Volga miền Stalingrad.

Rostov thất thủ làm đoạn đường hỏa-xa nối các thị-trấn Batoum-Pétrovsk-Rostov-Riazan và kinh-đô Mạc-tư-khoa. Đường giao thông Pétrovsk và Rostov cũng bị nghẽn. Quân của Đại-tướng Von Kleist cần tiến rất nhanh, đến Pavlovsk để cắt đứt đường hỏa-xa nối ngang hai thị-trấn Novorotisk và Stalingrad, làm cho miền Caucase không thể liên-lạc được với các nơi khác trên đất Nga.

Nhưng tới được Pavlovsk, Đại-tướng Von Kleisk sẽ phải qua nhiều trận huyết-chiến với quân của Thống-chế Timochenko hiện tập-trung rất nhiều tại miền hạ-lưu sông Volga.

Hiện nay, miền duyên-hải phía đông bờ Caspienne là nơi tấn-công số một của quân-đội Đức vào những đường vận-tải dầu hỏa. Rồi trong một thời-gian rất ngắn quân của Đại-tướng Anh Wawell đương tập-trung tại Ba-tur trên đất Caucase, ngay phía Nam bờ Caspienne,

1) Muốn biết rõ tình thế, xin xem bài « Hắc-hải » đăng trong Tri Tân số lại 16, trang 15 có liên-lạc với bài này.

sẽ gặp quân Đức và khởi nhiều trận huyết-chiến.

Chẳng bao lâu cuộc tấn-công vào miền Caucase sẽ thực-hiện để đi đôi với cuộc tấn-công từ nam đến bắc vào lưu-vực sông Donetz chưa bị Đức chiếm.

Đức có thể do hai đường tiến quân vào Caucase :

1) Một đường về phía Nam, theo miền duyên - hải Azov, thị - trấn Azov, Jisk, Temrjuk, Taman, có thể liên-lạc tất cả quân-đội Đức, vì quân Đức, sau khi chiếm được hải khẩu Kertch và miền đông bán-đảo Crimée, cần phải tiến đến Novorossisk miền tây Caucase bên kia eo biển.

2.) Một đường về phía đông Caucase trên bờ biển Caspienne và theo dọc đường hỏa xa Tichorjeski, Armavir, Grosuy, Petrovsk, Batoum.

Nay Đức đã lấy được Rostov, sẽ mở đường về lưu vực sông Don tức là tỉnh Stalingrad và hạ lưu sông Volga.

Nếu theo sau quân cảng Rostov, thị-trấn Stalingrad bị Đức chiếm cứ, Nga sẽ gặp nhiều nỗi khó-khẩn trong cuộc trường kỳ đề-kháng.

Một miền có quan-hệ đến quân sự lại giúp ích trong việc sản-xuất hoa mầu đã vào tay quân Đức, thì đường giao thông với kinh thành Mạc-tư khoa sẽ bị cắt đứt. Như vậy chiến cụ của Anh-Mỹ gửi sang giúp Nga sẽ không thể do đường Caucase mà tới mặt trận Mạc-tư-khoa và Lénin-grad được nữa.

Đường vận tải chiến cụ qua miền Caucase bị gián đoạn sẽ là bước đầu cuộc thắng lợi của Đức trong chiến-lược làm cho Anh Mỹ tuyệt đường giúp Nga qua ba nơi Arcurangelisk, Mourmansk và Caucase.

Caucase đã không liên-lạc được với nội địa thì một khi Đức công kích, nó sẽ bị cô-lập, tuyệt đường lương thực, không lối vận tải quân cứu viện nữa.

Caucase, then-khoá của Nga về miền Nam, một miền sản-xuất rất nhiều dầu hỏa giúp vào chiến-sự,

một đường vận-tải chiến-cụ từ Anh-Mỹ đưa lại, nếu bị địch-quân chiếm cứ thì số phận nước Nga sẽ như trứng để đầu đàng, mà sẽ quyết định trong một thời-gian rất ngắn...

Vì Caucase có quan-hệ đến cuộc sống còn của Nga, và có ảnh hưởng đến cuộc chiến tranh Anh Đức, nên Anh và Nga đã cùng nhau cộng tác mật thiết để giữ vững địa-thể, đã cùng nhau tập-trung rất nhiều lực lượng chung quanh bức trường thành Caucase để chống lại sức thâm lược của địch quân.

Trước tình-thế ấy, Đức đã công nhận không thể mua miền Caucase bằng một giá rẻ như các vùng khác của Nga.

Ta hãy chờ tương-lai định đoạt hơn là ứ đoán suông trước khi cuộc chiến tranh kết liễu.

NHẬT-NHAM

Nhấn bạn M. P.

Bài C D.T. vì một cơ riêng không ra được.

Nên uống trà

NAM LỘC

Trà NAM-LỘC hương thơm,
vị mát, chế rất tinh khiết !

Mua buôn hay giao dịch xin hỏi :

TỔNG CỤC : 83A Phố nhà Rượu — Hanoi
(Rue Sergent Larrivé)

PHÂN CỤC : 228 Phố Paul Bert — Nam-định
Hiệu Cự Hương, phố Đông Thị
Hải-dương

QUÝ GÀ HƠN MẸ

TRONG cuốn *Linh - Nam trích - quái* có chuyện « Tích kê mai mẫu, » không phải không có căn-cứ.

Trên đường Hà-nội — Bắc-ninh, khi qua ga chùa Dận, du - khách thường đề ý đến một tấm bia đá dựng ngay giữa cánh đồng, một tấm bia đã bị thời-gian làm xéu đồ rêu phong in dấu tang-thương ! Bao phen mưa nắng đã xóa nhòa những giòng chữ khắc trên mặt bia, khiến những khách tò-mò phải tốn công mới đọc được một vài chữ đề ước - đoán cái thâm - ý của kẻ đã dựng ra bi-ký.

Trên mặt bia có bốn chữ cốt yếu « *Quý kê sát mẫu* » (Quý gà giết mẹ). Ai xem đến cũng hiểu ngay là một tấm bia dựng đề răn những kẻ làm con bất hiếu với cha mẹ. Hỏi ra mới biết tấm bia này có một lịch-sử rất hay mà từ lâu ít ai chú ý.

Nguyên vùng ấy, xưa kia có hai vợ chồng hiếm-hoi, sinh được một người con trai rất quý-hóa, nâng như nâng trứng, hù như hù hoa. Nhà con một, được cha mẹ hết sức chiều - chuộng, đưa con nhớn lên thành ra ngỗ-nghịch. Kịp lúc bố chết đi, không ai kiềm- chế. Mẹ góa đối với con con, mẫu tử đã tình thâm, lại càng thương, càng nuông một cách trái lẽ.

Nhà làm ăn cũng thường thường bực trung, nhưng vì nghịch - tử giao-du với những quân vô - lại, miệt-mải trong chốn chuy - hoan, nên gia-tư sa sút. Đến khi lấy vợ, hẳn cũng chẳng bớt phóng - đãng chơi-bời.

Tính thích trọi gà, nghịch - tử nuôi một con gà trọi rất đẹp, rất hay ! giá đáng 30 quan tiền, nhưng quý hơn vàng ngọc, ai giá bao nhiêu

cũng nhất định không bán.

Một hôm, chồng đi chơi vắng, vợ ở nhà sàng gạo, gà trọi đến quấy ; đuổi nhiều lần gà cứ đi rồi lại quay lại mổ gạo như thường, không hề e-sợ. Vợ tức quá, cầm sàng ném gà, không may cạp sàng trúng đầu gà, gà lăn ra đất chết ngay. Chồng vốn là người hung- ác, thường-nhật xử với vợ như cừu- địch. Nay nhỡ tay nàng đánh chết gà của chồng, chắc không khi nào chàng dễ yên ! Mà hiện bụng mang dạ chửa, nàng lại càng lo-sợ tới cực điểm !

Nàng khóc và nhờ mẹ chồng che- chở. Mẹ chồng vốn giận con mình vô- đạo, nên càng thương nàng dâu mà bảo rằng : « Chồng con là đứa hung- ác mà gà trọi vẫn được nó nâng-ni. Nay nhất- đán, con giết chết gà của nó, chắc con không tránh khỏi bị nó hành-hạ tàn- nhẫn. Thôi, con cũng không phải quan-tâm đến việc ấy, cứ vào buồng nằm, mẹ sẽ nhận lỗi thay con !

Con dâu tuân nhời mẹ chồng, vào buồng nằm, song vẫn chưa yên tâm, vẫn lo sợ đến nổi lên cơn sốt rét !

Chồng về tới nhà, trước hết hỏi đến gà trọi, mẹ nhận vì trót nhỡ tay đánh chết gà rồi và xin đền mấy mẫu ruộng dưỡng-lão để mua gà khác.

Nghịch - tử lấy làm giận lắm, nhưng chưa nói gì, sai mẹ đi làm cơm. Mẹ làm cơm bưng lên ; con ăn xong, lại sai mẹ lấy nước uống. Mẹ lấy nước uống xong ; con lại sai mẹ lấy cuốc. Khi mẹ đem cuốc đến, con nắm gáy mẹ dúi xuống, rồi nắm tóc mẹ lôi ra đồng, quật mẹ nằm xuống mặt ruộng, lấy cuốc đào đất định chôn sống mẹ.

Chẳng dè quả báo, nó mới đào được vài lượt đất, thì trời nổi cơn dông... Một tiếng sét dữ-dội đánh trúng vào giữa mình đứa con bất- hiếu ! Người mẹ sợ quá, ngóc đầu, ngồi dậy, nhìn đến con thì người đã bị cháy sém, chết ngay như cây gỗ. Từ- thi mai táng ngay tại cái huyết đường đào dở để định chôn mẹ, lại hóa ra chôn mình.

Tin đồn đi mọi nơi ; ai cũng cho là « Trời rất gần, chứ trời không xa ! »

Rồi vì muốn làm gương cho thế- gian soi, dân làng cho dựng một tấm bia ngay chỗ sét đánh đứa con bất- hiếu « quý gà hơn mẹ » ấy để nhắc khách qua đường phải « cho tròn chữ hiếu mới là đạo con ! »

NHẬT-NHAM

PHẬT-HỌC THƯ-XÁ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-D - Đà kinh. Có 3 bản :	
chữ Hán, quốc - âm,	
quốc-văn	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Va-lam,	
Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A Di-Đà	0.20
Phật Pháp võ lòng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có	
37 tích rất hay	1.00
Dalịch xứ Phật (xứ của	
Đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc	
luân đạo rất thâm trầm	
giữa một nhà vua với	
một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện	
Phật Thích-Ca, dalịch xứ Phật	
Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật	
đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ	
chữ vàng.	5.50
Gởi mandat, phụ thêm 10% cước	
phí.	

Địa chỉ : Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CƠN
143 rue de Louvain Saigon

Nhi-đồng trước văn - đề thể - dục

NGÀY nay, đời chẳng còn phẳng-lặng và dễ-dàng như hồi xưa. Các bậc phụ huynh không ai là không tự hỏi: rồi sau đây con em ta làm sao mà sống nổi giữa cuộc đời vật-lộn khốc-khản này?

Đời càng văn-minh bao nhiêu, máy-móc càng tinh-xảo bấy nhiêu, người ta lại càng cần phải có đủ sức khỏe, học-lực và nghị-lực để đối phó với hoàn cảnh, hơn nữa, để phấn-đấu với những trở-lực khó khăn.

Xã-hội mới ở hiện tại và tương-lai này phải cần cái gì? Phải cần những người đủ điều kiện về thể chất và tinh-thần.

Vậy thể-hệ sau này hay hay dở, tốt hay xấu, là tùy theo ở cách ta nay gây nuôi đào-tạo thể nào.

Hiện nay vấn-đề nhi-đồng thể-dục không còn là câu chuyện mới lạ nữa, vì ai cũng nhận thấy rằng cách giáo-dục nghiêng về « văn nhược » ngày xưa chung quy chỉ làm yếu-hèn và tiều-ma nói giống!

Thể-thao đối với nước ta xưa là một việc bị rẻ rúng, vứt bỏ xuống tận cùng! Trái lại, lúc này được ta chú ý tới và đặt lên trên cả mọi sự.

Cuộc chiến-tranh mới rồi, các vị tướng cầm quân nhận rằng đời sống không hoạt-động về thể-chất chỉ có lợi trong các văn phòng thôi. Cho nên ngày nay Chính-phủ đang hết sức chú-trọng vào việc thể-dục để cải tạo lại thanh-niên.

Nhưng thiết tưởng: việc gì cũng

vậy, muốn cho nó được trảng-cửu, thì phải chăm nom ngay từ gốc, và phải xây đắp nền-lảng cho chắc-chắn đã.

Trong một nước, đàn trẻ em là nền-tảng tương-lai của xã-hội.

Từ trước tới nay, cũng có nhiều thi-ếu-niên hiểu biết ở đời cần phải khỏe, vì còn gì sung-sướng bằng một người có một khối óc trong sạch trong một cơ-thể cường-tráng. Nhưng từ ở trường kiêm-bị, sơ-học cho đến tiểu-học, trung-học, tôi nghiệm thấy, các học trò, ngoài giờ ăn, đều phải để hết thì-giờ chuyên về việc học, vì chương-trình học có nhiều môn, nhiều bài quá.

Một đứa trẻ mới 7, 8 tuổi mà trong óc non nớt đã phải bận rộn biết bao nhiêu là vầu đề, nào: toán-pháp, sử ký, địa dư, luân lý, cách trí, văn vần và nay lại thêm các việc ở chốn đình trung, hương ẩm và những bài nói về chức trách của từng viên tổng lý...

Từ bé đến lớn, từ trường kiêm-bị đến trường đại học, các trò ta lúc nào cũng lo thiếu thì-giờ để học. Hỏi còn đâu mà lo rèn luyện cho thân hình được cứng cáp, nở nang?

Đó vì cuộc đời « yên vị » trong các học đường đã làm họ yếu ớt thành những thân hình thon dài quá, có những tấm ngực quá « trũng » và những trái tim quá liệt nhược.

Ngày nay, nếu cứ để y nguyên chương trình học như thế mà lại thêm môn thể thao bắt buộc thì e rằng sẽ có hại lớn cho các trẻ em sau này.

Những điều cần thiết về tinh thần phải liên kết chặt chẽ với sự thích nghi của cơ thể.

Ta chớ nên quá chăm nom bởi bề thứ nọ mà bỏ lảng thứ kia.

Vậy kết luận, chúng tôi mong Chính phủ trước khi cho áp dụng bản chương trình thể thao bắt buộc, nên hãy chăm chú sửa lại chương trình về học vấn cho thích hợp

với trình độ trẻ em đã.

Có như thế, ta mới hi vọng sau này dân chúng mới toàn là những người mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tinh thần.

Hoa-Nam PHAN-KỲ-NÔNG

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Sắp phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn gề thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ, .. đều phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng-thức được hết cái hay cái đẹp của thơ...

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, khác hẳn các sách, báo TẾT từ trước tới nay từ cách biên-lập tới cách trình-bày, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-đềm của ngày TẾT và của mùa XUÂN.

Có ăn TẾT với « TRĂM HOA » mới hưởng được hết các thi-vị của ngày TẾT. Gia-đình nào cũng phải có « TRĂM HOA » trong ngày TẾT (Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ).

ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN

TỪ - ĐIỀN

Giấy thường 2 p. 80

Giấy bonfant 3 80

Giấy bonfant bìa vải chữ vàng 5 00

(Loại sách giấy bonfant dành cho các bạn đặt tiền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán). Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HOÈ

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ - XÃ

16 bis Rue Tsin Tsin Hanoi

Cần mua

QUYỀN

Hán Việt từ điển

Tác-giả Đào Duy-Anh

Viết thư cho Huỳnh ngọc-Tiệm

Gò dầu hạ

Tây Ninh

Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành (1757—1817)

NGUYỄN - TRIỆU

I

THIÊU-sử Nguyễn Văn-Thành, Bạo Nhật-Nham đã giới thiệu sơ với độc-giả Tri-Tân ở thiên « Dẫn-giải và chú-thích bài văn tế trận vọng tướng sĩ (T. T. số 23, trang 17, 18). Nay tôi xin nói lại cho thêm tường. Tằng-tổ ông Thành tên là Toán, quê ở Quảng-diên tỉnh Thừa-thiên, dời vào ở đất Gia-dịnh; đến đời ông tổ tên là Tính lại ra ở Bình-hòa, sau đến đời cha tên là Hiền thì lại vào ở Gia-dịnh. (1)

Thành, tướng-mạo khôi-ngô, tính khí lại thâm trầm cương nghị, ham đọc sách và võ-nghe cũng giỏi.

Bấy giờ vào đời Định-vương, Nguyễn Phúc - Thuần (2). Lối tháng hai năm Quý-tị (1773), Tây-sơn Nguyễn Văn-Nhạc khởi binh ở Quy-nhon. Lưu - thủ Long-hồ Tống Phúc-Hợp và Cai-bạ Nguyễn Khoa-Thuyền mộ quân cần vương. Nguyễn Văn-Hiền cũng đi mộ quân nghĩa-dũng để theo đánh giặc, liền được thụ chức cai đội quân bộ quân tiền chi, đánh nhau với giặc ở Phan-rang. Sau khi phá tan được quân bên địch, tiến lên Bình-khương thì Tống Phúc-Hợp đã thua quân Tây-sơn, phải lui về Nha-trang rồi Hiền tiến binh tới đảo Tam sơn, gặp quân địch giao chiến rồi tử trận, sau được truy tặng chức cai cơ rồi lên chưởng định và

được liệt tự vào hai miếu « Hiền trung » và « Trung-tiết công thần ».

Khi trước, Thành cũng ứng mộ, theo phụ-thân đi đánh giặc, đóng quân ở Cầu-giang. Tống Phúc-Hợp sai Hiền đem mấy nghìn quân đi tải lương. Thành cũng xin đi theo. Đi đến nửa đường, quá nửa quân lính còn phải kiêng đội thóc gạo, không kịp phòng bị, thì gặp quân Tây - sơn đổ ra chặn ngang đường. Hiền thấy quân địch đến, ra hiệu cho con là Thành lui tránh đi, song Thành lên ra sau trận, sai quân đội thóc gạo giờ sào lên giả làm giao-mác và treo áo lên giả làm cờ, rồi vòng ra đằng trước vừa đánh trống vừa reo hò kéo lên, làm cho bụi bay mù mịt. Quân địch tưởng là có viện binh đến, phải tháo lui cả. Quan quân thừa cơ đánh theo được toàn thắng. Tống Phúc-Hợp khen Thành còn trẻ tuổi mà có mưu trí, bèn thưởng cho bạc và lụa.

Đến khi Hiền tử-trận thì đức Duệ-tôn phong cho Thành làm Cai-đội Thành cũng đi chiêu-tập được 800 quân tráng-dũng theo Đỗ Thanh-Nhân đánh Tây-sơn thu phục được Sài-côn.

Mùa Xuân năm Ất-tị (1785), Thành theo Nguyễn-vương là chúa Phúc Ánh sang Vọng-các, lại giúp vua Tiêm đi đánh tận được quân Diên-diệp.

Khi ấy vua Tiêm muốn giúp binh, Nguyễn-vương họp các tướng-tá lại bàn, thì Thành tâu rằng quân Tiêm tàn-ngược trí-trá, không nên nhờ họ giúp nữa. Nếu nhờ binh-lực họ mà thành-sự thì lại phải lo về sau, không gì bằng hãy cứ yên-tĩnh mà đợi thời còn hơn.

Đến năm Đinh-mùi (1787), Thành phụng mạng đi đón Hà Hỉ-Văn là một người Tàu ở đảo Cồ-cốt cùng với mấy người nữa cũng cùng xin theo giúp vua Nguyễn, sau cả bọn bị bắt phong về Hà-liên, tuyệt lương.

Khi quan quân thất lợi trận Mỹ-thọ, có kẻ xui Thành về làng mà ở, Thành bảo rằng : « Chúa, tôi là nghĩa cả, dù sống chết cũng phải nên giữ lấy, còn « sự thành bại là tại ở trời, ta liệu « trước saoặng ; nếu nhân lúc « bại trận mà bỏ trốn, đó là kẻ « tiều-nhân phản-phúc, ta không « thêm làm ». Rồi Thành cùng bọn Hỉ-Văn tất cả 17 người vượt bể đi tìm theo vua Nguyễn.

Về tới Long-xuyên, nghe tin nhà vua đóng quân ở Ba-lai, Thành đến tận nơi, xin đi chiêu-tập quân nghĩa-dũng để đánh Tây-sơn.

Tháng 4 năm Canh - tuất (1790), Nguyễn - vương sai chưởng Tiêm-quân Lê-Văn-Quân đem 5.000 quân thủy-bộ, lại sai Võ Tánh cùng Nguyễn Văn-Thành làm tiên-phong ra đánh lấy Bình-thuận. Không bao lâu lấy được Phan-ri và hạ được thành Bình-thuận, vương sai Võ - Quân ở lại, trấn-thủ Phan-ri, triệu Võ-Tánh và Nguyễn Văn-Thành về Gia-dịnh. Sau Thành lại đem quân đi đánh giải vây, rồi

lại cùng Lê Văn - Quân giữ Phan-rí.

Tháng 3 năm Nhâm-tý (1792), nhân có gió nồm thổi mạnh, Thành lại cùng bọn Nguyễn Văn-Trương và hai thủy-quan người Pháp là Dayot (3) và Vannier (4) đem chiến thuyền từ cửa Cần-giờ ra cửa Thi-nại đốt phá hết thủy-trại của Tây-sơn rồi lại về.

Tháng 3 năm Quý-sửu (1793), Nguyễn-vương thân-chinh đi đánh Qui-nhơn, cho Nguyễn Văn - Thành làm Khâm - sai Bình-sơn Tiền tướng-quân, đem bộ-binh đi trước. Thành đi đến đâu dẹp tan đến đấy. Bấy giờ nghe tin thái-úy Tây-sơn là Nguyễn Văn-Hưng đem quân Phú xuân vào cứu-viện Qui-nhơn, Tiền quân Thành phụng mạng đem quân đến Thạch-tân chặn đường, đánh mấy trận, quân địch đều phải bỏ lui cả. Thành lại noi theo đường bộ, kéo binh đến hợp-lực cùng thủy - quân nhà Nguyễn ở cửa Thi-nại, rồi rút quân đến đóng ở Phú-yên.

Bấy giờ trong hàng tướng-tá có nhiều người nghi sợ quân Tây-sơn đến đánh đuổi. Thành cả-quyết mà nói rằng: « Trong Qui-nhơn, ngoài Thuận-hóa, tuy là thân-thích, song kỳ-thực là cứu-dịch. Chẳng qua họ mượn tiếng vào cứu-viện nhau, nhưng thật thì chỉ muốn nuốt nhau thôi. Nhạc của lấy mình không xong, còn hơi sức đâu mà đi đuổi người nữa? . . . »

Khi đại-binh nhà Nguyễn vào cửa Thi-nại thì vua Tây-sơn là Nguyễn Văn-Nhạc sai thái-tử là Nguyễn Bảo đem binh ra kháng-chiến. Nguyễn-

vương bèn mật sai Võ Tánh đem quân lẻ đi với toán quân Tôn-thất Hội và Nguyễn Văn-Thành đánh tập-hậu. Bảo chống không lại, phải bỏ chạy về Qui-nhơn. Quân thủy bộ nhà Nguyễn bấy giờ đã liên-lạc được với nhau. Vương lại sai Tôn-thất Hội cùng Võ-Tánh, Nguyễn - Hoàng Đức (5) và Nguyễn Văn-Thành đem binh tiến lên đánh Qui-nhơn.

Nhạc phải cho ra Phú-xuân cầu-cứu.

Thấy viện-binh tới, biết thế chống không lại, vua Nguyễn rút quân về Gia - định, để Nguyễn Văn-Thành ở lại giữ Diên-khánh, Hoàng-Đức giữ Bình-thuận.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

1) Đại-Nam chính-biên liệt-truyện, sơ tập, quyển 21.

2) Định-vương Nguyễn phúc-Thuần (1754-1777) là con thứ 16 vua Võ-vương Nguyễn phúc-Khoát (1714-1765). Nguyễn từ năm Giáp-tý (1744), Võ vương đức ẩn lên ngôi vua ở Phú xuân, lập hoàng-tử thứ 9 là Phúc hiệu lên làm thế tử vì hoàng trưởng tử đã mất sớm từ năm Quý-tị (1773), con thế tử là Dương thì còn ít tuổi quá, nên vua đề di-chiếu lập con thứ 2 là Phúc luân (hay Gọ) lên ngôi.

Năm Ất-dậu (1765), Võ vương băng, quyền thần Trương phúc Loan không muốn để cho ông hoàng thứ 2 lên làm vua, bèn tráo đổi tờ di chiếu của Võ-vương mà lập ông hoàng thứ 16 là Phúc-Thuần lên làm vua, tức là Định vương, năm ấy mới 12 tuổi, sau truy tôn thụy là Duệ-tôn Hiếu định hoàng-đế.

Tháng chạp năm Giáp-ngọ (1774), quân Hoàng ngũ Phúc vào chiếm cứ Thuận hóa thì Phúc Dương, là con Phúc-Hiệu, đi trước qua Hải vân quan, còn Định vương thì xuống thuyền ra cửa Tư dung, rồi vào Quảng nam. Sang đến năm sau là Ất-mùi (1775), vua trở-tất

tại Giá-tân thuộc Quảng nam, lập hoàng tôn Phúc Dương lên làm thế tử xưng là Đông-cung, mới được vài ngày thì quân Nguyễn văn Nhạc kéo đến đánh, kháng chiến không nổi, Đông cung Dương chạy lên ngã Cầu đê, còn Định-vương thì qua Liên chữ. Trong khi ly-biệt, vua dặn Đông cung phải ở lại đề ngải vào Gia định làm kế đánh xa cứu gần thì mới được. Đông cung vắng mạng.

Tháng 2 năm ấy, quân Hoàng ngũ Phúc lại kéo vào đánh Quảng nam. Định-vương phải xuống thuyền chạy ra biển, gặp phải gió bão, thuyền các quan theo hầu ngự giá của Tôn thất Kinh và Nguyễn cửu-Dật đều bị đắm, duy có ngự-thuyền vua và cháu ngài là Phúc-Anh thì vô sự. Khi thuyền Định-vương và Phúc Anh vào đến dinh Bình-khương, có Lưu thủ Tổng phúc Hợp và Cai bạ Nguyễn khoa Thuyền ra rước, rồi cùng vào cả trong đất Gia định, trú tất tại Ngưu chữ.

3) Xem Tri-Tân số 21, trang 14.

4) Xem Tri-Tân số 16, trang 12-13.

5) Xem Tri-Tân số 11, trang 19 và số 12, trang 17.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam cổ mọp mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine (Septembre 1939 - Juin 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

SỐ 1

TIỂU-THUYẾT DÀI
THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

PHẦN THỨ NHẤT

I

NHÀ LÊ từ khi vua Lê Thái-Tổ đuổi quân Minh, lấy lại nước, lập nên đế nghiệp, truyền đến vua Chiêu-Tôn (1516-1527) vừa được một trăm năm thì khí-số cũng dần dần kém. Thời oanh liệt đã mất, vẻ thịnh bình không còn nữa. Trong triều rối loạn, các quan chia bè đảng chống nhau. Vua Chiêu-Tôn phải giao quyền binh cho Mạc Đăng-Dung đánh dẹp.

Mạc Đăng-Dung trừ được loạn, phá tan các phe đảng, thu phục được quân sĩ của họ, liền nắm cả quyền chính trong tay, tự xưng là An-Hưng-vương, ra vào nghi vệ như thiên tử vậy. Phàm các quyền chức trọng yếu trong triều, Mạc-vương đều giao phó cho những đầy tớ chân tay hay bạn-bè tâm-phúc, trung thành và đắc lực. Quan Đô-đốc kinh thành bấy giờ tên là Nguyễn-Tân cũng vào hạng ấy. Hắn vốn là một kẻ đồ tề bán thịt ở chợ Cỏ-trai (Hải-dương, quê Mạc Đăng-Dung). Khi Mạc-vương còn hàn vi, một hôm bị đòi nợ rất ngặt ở chợ, nhờ được Nguyễn-Tân múa dao ra khỏi hộ. Nên nay Mạc-vương nhớ ơn ấy, bèn tâu cử y làm chức Đô-ty. Và sau ba năm trong hoạn trường, y đã thăng đến Đô-đốc Kinh thành, chức cao quyền lớn, coi giữ cả nơi kẻ chợ, trăm quan đều phải kiêng dè.

Nguyễn-Tân có một con gái, lớn tên là Nguyễn-Bái, đã mười tám tuổi mà chẳng học hành gì, chỉ chơi hời thả cửa, không kiêng sợ ai cả. Ý quyền thế cha, suốt ngày đi với

răm ba tên gia-nô, mang theo đàn chó, hân giã vờ săn bắn, rong ruổi khắp phố phường và làng xóm, đề hà hiếp đàn bà con gái. Thoảng thấy dáng dấp hân, lách trách như con khỉ, da xám, tóc đỏ, đầu tròn, mặt gầy, ai nấy đều phải lẩn trốn. Người ta sợ hân như cọp dữ. Bởi vậy, dân gian đã có câu hát:

*Khỉ xám theo sau,
 Bảo nhau, bảo nhau mà chạy...
 Mà chạy, mà chạy cho mau!*

Một hôm, giờ đầu thu mát-mẻ. Trên không mấy làn mây trắng lững lờ trôi. Cảnh giới êm lộng tươi xinh như một bức tranh. Nguyễn Bái với mấy tên gia nhân sang đò qua bến Bồ-đề rồi phóng ngựa theo đê sông Nhị-hà đi, đi mãi... Thỉnh thoảng đoàn du-lịch lại rẽ vào các làng ven sông, xông xáo khắp nơi như tìm tòi thám hiểm. Rồi sau, ngựa lại ra băng băng lồng nước đại, hay nhịp nhàng từng bước một trên đê sông Nhị. Bọn người cưỡi tha hồ ngắm phong cảnh, nhìn giới, mây, nước. Đối cảnh mà lòng nao nao, Nguyễn Bái thốt ra câu:

— Giới trong cảnh lộng thế này, giá có mỹ nhân đi cạnh thì sướng biết bao!

Bọn đi hầu nói khéo:

— Bẩm công tử đã muốn, tất thế nào rồi cũng gặp. Xưa nay công tử có chịu về không bao giờ!

Đoàn người ngựa lại vẫn đi. Không mấy chốc đã đến phố Hiến (1). Quanh co thăm phố xá một lát, cả bọn nghĩ vào quán rượu chè chén no say, rồi lại ra đi. Qua năm dặm, Nguyễn-Bái bỗng ngó ngay người lên, nghèn cổ nhìn về phía trước, ghi cương ngựa cho phóng nhanh như bay, mồm lấp bắp gọi

bọn gia nhân:

— Mau lên, chúng bay!

Là vì hân vừa trông thấy một thiếu nữ nhẹ nhàng đi lướt trên cánh đồng lúa mùa xanh rì, chập chờn như một nàng tiên trên làn mây biếc. Nhưng ngựa vừa đến nơi, thì thiếu-nữ đã lên đường vào nhà rồi. Bóng hồng đã khuất từ lâu, mà tường cao, cổng kín, với vẻ nhà oai nghiêm, anh chàng dè chỉ còn cách đứng thừ người ra nhìn quần, trong bụng nghĩ:

— Tức quá, thế thì tức thật!

Cúi mặt nghĩ một lúc, rồi hân ngẩng lên bảo đầy tớ:

— Được rồi, chúng bay coi ngựa, đợi đây, để tao đi vòng xem...

Hân đi quanh khu ấy. Nó là một cái trại nhỏ cách xa làng mạc, chung quanh có một lũy tre ngà, cây chen lá rậm xanh rờn, trông rất kiên cố, con chim sẻ bay cũng không lọt. Ở trong là một tòa lâu đài mới xây độ ít lâu, tường còn trắng nguyền và ngói mới chớm mướt. Đằng sau và hai bên là vườn cau và những cây chừa chít trĩu quả chín vàng ối. Đằng trước, về bên tả, ngay gần lối vào, một cái hồ bán nguyệt rộng ước ba mẫu, làn nước phẳng-lặng như tờ, trong suốt đáy. Trên mặt hồ có thả sen, tuy nay đã tàn nhưng láo đác vẫn còn mấy bông sen muện như ngao-nghe với giới xanh và nước bạc. Tất cả đều tỏ ra là biệt-thự của một vị công hầu khanh tướng chi đây. Nhưng Nguyễn Bái có đề ý gì đến những điều chi-tiết ấy. Hắn chỉ chăm-chú nhìn qua khe lũy, đợi chờ hình ảnh con người đẹp. Đứng đã lâu, mà mặt-mù nào có thấy tăm cá, bóng chim, trong lâu-đài vẫn tĩnh-mịch như dọa-nạt, hân sốt ruột phải quay về chỗ cũ. Hân hậm-hực hỏi:

— Chúng bay có biết đây là nhà ai?

— Bẩm công-tử, chúng con vừa hỏi một người đi qua đây, họ bảo đây là nhà quan Thượng-thư họ Phan.

1.) Hưng-yên hãy giữ.

— Thượng-thư họ Phan nào nhỉ ?
— Bầm, chắc họ về hưu lâu, công-tử chưa biết.

— Ừ phải, ta gọi công vào chơi đi.

Một tên gia-nhân đập công gọi sầm-sầm mãi, hét đã khản cả cổ mà ở trong vẫn không có tiếng thưa. Tức mình, Nguyễn Bái quát :

— Phá công ra mà vào !

— Bầm công-tử công kiên-cổ lắm không phá được ă ! Vả đây là dinh-thự một quan Thượng-thư hưu-tri, xin công-tử chớ có khinh suất, nhớ mang tiếng. Chỉ bằng ta tìm một người nào hỏi dò cho rõ lai lịch và sự thế trong gia-đình này thế nào, để sau sẽ liệu.

— Ừ, ta ra đầu làng kia, chúng bay đi kiếm mau lấy một người về ta hỏi :

Hai tên gia-nhân đi một lúc, dắt về một bác nông-phu, mặt xám mét, run như cây sậy, lù-dù lọt giữa hai thân hình hách-dịch, lằng-xằng.

Trùng mắt nhìn bác nhà quê đang khúm núm lễ mỉnh, Nguyễn Bái đồng-dặc hỏi :

— Ta hỏi mày mấy điều, mày phải nói cho thực, hễ mau-trá, ta sai quân lính đánh cho năm trăm trượng, nghe không ? Mà khai rành-mạch rõ-ràng, ta sẽ thưởng cho.

— Bầm lạy quan-lớn, vâng ă !

Một tên đầy tớ bảo :

— Đây là công-tử con quan Thừa-tướng, to hơn quan-lớn kia, phải bầm Ngài là các-hạ...

— Vâng, lạy các-hạ.

Nguyễn Bái ậm-ọe hỏi :

— Mày có biết nhà ai kia không ?

Bác nhà quê ngoảnh trông theo tay trở, rồi cúi đầu đáp :

— Bầm các-hạ, nhà quan Thượng-thư !

— Tên gì ?

— Bầm các-hạ, quan Thượng-thư họ Phan.

— Nhưng tên là gì chứ ?

— Bầm các-hạ, con cũng không được biết.

— Cái nhà ông ấy không đi lại gì với dân ngoài hay sao ? Sao mà

cổng đóng im-lm, ta cho gọi mãi cũng không có người thưa !

— Bầm các-hạ, quan Thượng-thư ngài chỉ mở cổng có buổi sáng, ai ra vào hỏi-han gì cũng chỉ buổi sáng thôi, còn buổi chiều ngài không tiếp ai cả.

— Ông ta có cô con gái đẹp lắm, phải không ?

— Ầ ! Các-hạ muốn vào xem mắt. Bầm vâng, quan Thượng chỉ có một con gái đẹp lắm. Đã bao nhiêu nơi danh-giá quyền-quý đến dạm hỏi, nhưng cô đều chối-từ cả. Nghe đâu như cô ấy không muốn lấy chồng.

— Mày nói lạ, mỹ-nhân còn đợi anh-hùng đấy thôi. Năm nay cô ta độ bao nhiêu tuổi ?

— Bầm các hạ, cô ấy mới độ mười sáu, mười bảy, mà đã đẹp lắm, đẹp tuyệt trần, đẹp như tiên vậy.

— Có phải lúc nãy cô ấy vừa đi thăm đồng về không ?

Bác nông-phu đứng ngẩn người ra, nghĩ giây-lát, rồi mới đáp :

— Bầm không ă. Đây là con tiểu-tý của Phan tiểu-thư đấy ă !

— Tiểu-tý cũng đẹp vậy, cô ta khéo kén nhỉ ?

— Dạ ! Bầm tiểu-thư còn đẹp gấp trăm gấp nghìn ấy chứ !

— Được rồi. Thế thì càng tốt. Tên cô ta là gì ?

— Bầm các hạ, quý danh tiểu-thư là Liên-Tường.

— Liên-Tường ! Cái tên sao mà đẹp vậy ! Thật là tên xứng với người.

— Ấy, bầm tên ấy cũng có điển-tích kia đấy ă. Nguyên trước quan Thượng-thư hiếm-hoi mãi chưa có con-cái gì, nên thường hay bơi thuyền uống rượu ngâm thơ ở trong hồ sen. Ngài thích sen lắm. Ngài thường bảo sen là hoa quân-tử. Một hôm, cũng giờ thu như thế này, hoa sen đã tàn rữa hết, lá héo khô cụp xuống nước, trông rất tiêu-diêu. Ngài đương thơ-thần ngâm ngùi mà than thở cho sen và cảm thương cho mình. Bỗng một cơn gió thổi, hương đâu đưa ngào-ngạt, ngài ngo-ngác trông tìm thì

trong đám sen tàn rành-rành một đóa hoa mới nở. Ngài cười và nói : « Tiết đã sang thu rồi mà sen còn nở, là điềm hay đây. Ta phải bắt đem về để thưởng ngoạn cái của quý trái mùa và chờ xem có ứng nghiệm gì không .. »

Ngài liền bơi thuyền lại gần ngắt lấy. Còn đương ngắm-nghía trên tay, thì trên bờ con gia-tý gọi báo phu-nhân vừa sinh được một vị tiểu-thư. Ngài mừng quá, cười nói to lên rằng : « Ầ ! Thế ra cái điềm hay thật ! Sen quá mùa mà có hoa, cũng như ta đã già mà sinh con gái ! Ngày xưa, ông Lương-Kỳ mộng thấy hoa sen cũng sinh con gái, sau con gái ấy làm đến mẫu-nghi thiên-hạ. Nếu vậy con gái ta sau này tất cũng được đại-quý. Vô-nam dụng nữ, thật là một điều vui mừng cho ta lúc tuổi già ! » Vì vậy, ngài đặt tên là Liên-Tường, để ghi lấy cái điềm hoa sen tốt-lành.

Nguyễn Bái nghe xong, hớn-hở mà rằng :

— Có cái điềm quý như vậy thật đáng là vợ ta, sau này đường-đường là một vị mệnh-phụ ở Triều-đình... Đây ta thưởng cho mày năm tiền, và mày có gặp người nhà quan Thượng-thư thì nhắn rằng sắp-sửa có con quan Đại-thần ở Kinh về, cầu thân đấy.

— Bầm các-hạ, xin vâng ă !

Bác nông-phu tươi-tỉnh lui về. Thầy trò Nguyễn Bái cũng lên ngựa phóng theo đường cũ.

CHU-THIÊN
(Còn nữa)

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được :

1.) Thăng Tuất (tiểu-thuyết) của ông Trần mai-Ninh do nhà in Tân-Việt 49 Rue Takou xuất-bản.

Sách gầy 88 trang, giá bán 0p,45.

2.) Một linh-hồn, tiểu-thuyết của bà Thụy-An, do báo Đàn-Bà xuất-bản.

Sách gầy 228 trang, giá bán 1 p.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới-thiệu với độc-giả Tri-Tân.

Những ông nghề triều Lê

Tiếp theo trang 4

nên lấy làm trù - giới, người thiện nên lấy làm khuyến-khích, chúng rõ việc đã qua, rộng bảo về tương-lai, một là giúp cho nhiều học-trò trọng danh-tiết như đá, hai là giúp mệnh-mạch nhà nước cho vững-bền. Bậc thánh-thần đặt ra, ý rất sâu-xa; phạm việc gì cũng muốn đề cho người ta quan-chiêm vào, có phải là việc cầu thả dẫu? Thần-bạ chúng tôi kính chép.

« Phụng trực đại-phu, Hàn-lâm viện thừa-chỉ, Đông-các đại-học-sĩ Thân-nhân. Trung phụng sắc soạn. — Cần-sử-lang trung-thư giám chính - tự Nguyễn - Tùng phụng sắc viết. — Mậu-lâm-lang kim-quang-môn đại-chiến Tô-Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám, năm Hồng-đức thứ mười năm (1484) vua nước Việt. »

Ông Thân-Nhân-Trung, làm ra bài bia dịch trên, là người ở Yên-ninh (Yên-dũng). Hơn 50 tuổi mới đỗ hội-nguyên khoa kỷ-sử, năm Quang-thuận thứ mười (1469) đình-thí đỗ đồng-tiến-sĩ. Làm Hàn-lâm viện thị độc, rồi làm Đông-các đại-học-sĩ, sau thăng Hàn-lâm viện thừa-chỉ,

nhưng kiêm Đông-các và Quốc-tử tể-tử. Năm Hồng-đức quý-mão (1483) cùng ông Quách-Đình-Bảo và ông Đỗ-Nhuận vâng mệnh vua Lê Thánh-Tôn biên chép bộ *Thiên-nam dư-hạ tập* và họa theo tập *Quỳnh-uyên cửu-ca* của vua. Vua gọi là « Tao-dàn đô-nguyên-súy », cho thăng Lại-bộ thượng-thư, kiêm Hàn-lâm viện nhập-thị-nội phụ-chính, kiêm Đông-các như cũ. Thọ hơn tám mươi

tuổi. Chữ nghĩa điều-nhĩa hõn-hậu, không hề làm một việc gì dối dả, chỉ lấy cách vật trí-trí làm vui. Con là Nhân-Tín Nhân-Võ cùng thời hiền đạt. Vua Lê Thánh-Tôn thường ban thơ, có câu rằng : « Nhị Thân phụ tử một ân vinh », nghĩa là hai cha con họ Thân thắm ơn vinh hiền (xuất xứ ở *Lịch triều hiến chương loại chí* của ông Phan Huy - Chú, quyển 7, *Nhân-vật-chí*.)

Kỳ sau sẽ đăng danh sách những ông nghề khoa Đại-bảo.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Chuyện thơ

Bài thơ cứu mệnh

ĐỜI Đường (618-907), có Vương-Duy, tên tự là Ma Cật, là một thi-sĩ nổi tiếng một thời.

Sinh ở tỉnh Thái-nguyên, Vương bầm tính trung trực ngay thẳng, vẫn thường mặt sát đám ô-lại, không hề sợ kẻ quyền-thế.

Năm Khai-nguyên thứ mười chín, Vương thi đỗ Trạng-nguyên, được bổ làm quan trong triều, lĩnh chức Tả thập-di cấp-sự-trung (một chức quan to ở triều Đường).

Gặp hồi An-lộc-sơn dậy loạn, tiếm quyền, vua Đường phải bỏ kinh-sư đi trốn. Có một số người a-dua với giặc, ra phò-tá An-lộc-sơn.

Nhưng Vương không chịu khuất, uống thuốc giả câm, ẩn một chỗ.

Thường nghe danh Vương là người tài-hoa, lỗi-lạc, An-lộc-sơn mến tài, ép Vương ra làm quan với mình, nhưng còn giam-cầm ở chùa Phổ-thí.

Một hôm, giặc mở đại yến ở Ngưng-bích-trì, đàn hát tung bừng, bắt Vương phải soạn bài hát đề các nhạc-công, ca-kỹ diễn tấu.

Ngậm mối căm-hờn, Vương nuốt hận mà chầu lòng giặc, nhưng ngoài các bài hát tấu cảnh, Vương vịnh một bài thơ như sau này :

Nguyễn-văn chữ hán. . .

Vạn hộ thương tâm sinh dã yển,
Bách quan hà nhật tái triều thiên!

Tha hộc diệp lạc không cung lý,
Ngưng-bích trì đầu tẩu quán huyền!

Dịch:

Muôn dân đau khổ, ruộng đồng hoang!

Biết thừa nào quan thấy quốc-vương!

Xơ-xác cung thu hộc rụng lá,
Mà hồ Ngưng-bích bát đàn vang!

Có kẻ đem bài thơ ấy mách với giặc, nhưng giặc thấy lời-lẽ đầy vẻ trung-trực, nên cũng không dám làm gì.

Bài thơ ấy truyền ra đến ngoài, ai ai cũng phải thán phục, khen Vương dám cả gan tấu tặc giặc.

Câu chuyện vịnh thơ bay đến tai vua Đường lúc ấy đang sửa-soạn về triều diệt giặc.

Về sau, quả nhiên vua phá tan được An-lộc-sơn, trở lại kinh sư, trị vì. Vua đem những người đã phụng sự An lộc sơn ra làm tội riêng có Vương vì bài thơ kia, nên được phục hồi chức cũ. (1)

Thuần-Thần và Đức-Vương

(1) Xin coi thêm *tiền-sử* *Đường* ở *Tri-tân* số 6, trang 7.

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sỏ lại, thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sỏ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Ồ - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng
của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ để đạt cái mộng
tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG - PHÁP

1\$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tin nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

- 1.) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư
- 2.) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.
- 3.) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em
- 4.) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến, 200h Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-hưng-Tường 437 Ngã tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Georges Guynemer Saigon.

Nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phạt 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đới hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chọn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ / Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 7B Phố Hàng Bỏ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.